

見える？ 選べる！

ベトナム語  
Tiếng Việt

しょうらい しごと  
将来の仕事MAP

Em có nhìn thấy không? Em có thể chọn được!

Bản đồ công việc tương lai



# はじめに

みなさん、将来の夢はありますか？「お医者さんになりたい！」「ケーキつくりたいなあ」「世界一周！！」「YouTuberとか？」「まだわからない…」など、それぞれだと思えます。私たちは、みなさんがこれから中学校や高校を卒業し、将来の仕事を考えるときのお手伝いをするために、このガイドブックを作りました。

このガイドブックでは、それぞれの職業について「どのような仕事なのか」「どんな人が向いているのか」「どうやったらなれるのか」の3つをまとめました。他にも先輩の体験談や在留資格のことも載せてあります。もちろん、このガイドブックにある仕事すべてではありませんし、働くことがすべてでもありません。でも、目標をもつことは人生を楽しくしてくれると思います。

紹介する職業は、2019年8月から10月にかけて神奈川県、愛知県、大阪府、石川県、滋賀県、岐阜県の外国につながる中学生、高校生104人を対象に行ったアンケート結果をもとにして選びました。在留資格や国家資格などは、その時々によって変わる場合があるので注意してください。

学生のみなさんや保護者の方々にとって、「こんな仕事があるんだ！」「この職業ってこういうことなんだ！」といった発見が、このガイドブックを読んでひとつでもあれば嬉しいです。

## もくじ

このガイドブックの使い方	1
在留資格とは？	2
「家族滞在」について	3
仕事をもつ先輩たちの体験談	4
1. 料理人	7
2. 美容師	8
3. ホテルスタッフ	9
4. ツアーコンダクター	10
5. キャビンアテンダント(CA)	11
6. 中学校教師	12
7. 保育士	13
8. 介護士	14
9. 看護師	15
10. 地方公務員(行政職)	16
11. 通訳	17
12. 建築家	18
13. 自動車整備士	19
14. WEBデザイナー	20
その他の仕事	21
会社の中はどうなってる？	22

※このガイドブックの情報は、2020年2月現在のものです。そのため内容が変わることもあります。みなさんが情報を活用するときには、インターネットで調べたり、関係機関などに問い合わせたりして、最新の情報を確認してください。

# MỞ ĐẦU

Các em thân mến! Các em mơ ước sau này mình sẽ làm gì? Chúng tôi nghĩ rằng mỗi em sẽ có một câu trả lời riêng, chẳng hạn như: “Em muốn làm bác sĩ!” “Em muốn làm bánh kem!” “Em muốn đi vòng quanh thế giới!” “Em muốn làm Youtuber!” “Em không biết nữa...” Chúng tôi đã làm ra cuốn sách hướng dẫn này với mong muốn giúp đỡ các em trong giai đoạn các em suy nghĩ về công việc sau này của mình sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở (trường cấp 2) và trung học phổ thông (trường cấp 3).

Trong cuốn sách này chúng tôi sẽ giới thiệu đến các em một số nghề nghiệp và hướng dẫn 3 điều sau: Làm nghề này cụ thể là làm gì? Tính cách nào thích hợp làm nghề này? Cần làm gì để làm được nghề này? Ngoài ra trong sách còn có mục chia sẻ của sempai và mục nói về tư cách lưu trú. Các nghề nghiệp được nêu ra trong đây chưa phải là tất cả, việc ra xã hội làm việc cũng không phải là tất cả. Tuy nhiên, chúng tôi thiết nghĩ việc có một mục tiêu sẽ khiến cho cuộc sống của chúng ta vui hơn.

Các nghề nghiệp chúng tôi giới thiệu trong cuốn sách này được lựa chọn từ kết quả thăm dò ý kiến từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2019 của 104 học sinh cấp 2 và cấp 3 có yếu tố nước ngoài thuộc các tỉnh Kanagawa, Osaka, Ishikawa, Shiga và Gifu. Về tư cách lưu trú và chứng chỉ quốc gia, các em cần lưu ý vì có khả năng luật sẽ thay đổi.

# MỤC LỤC

Cách sử dụng cuốn sách hướng dẫn này .....	1
Tư cách lưu trú là gì? .....	2
Đối với người đang có “visa gia đình” .....	3
Chia sẻ của các sempai đang đi làm .....	4
1. Đầu bếp .....	7
2. Chuyên viên làm tóc .....	8
3. Nhân viên khách sạn .....	9
4. Hướng dẫn viên du lịch .....	10
5. Tiếp viên hàng không .....	11
6. Giáo viên trường cấp 2 .....	12
7. Giáo viên mầm non .....	13
8. Điều dưỡng .....	14
9. Y tá .....	15
10. Nhân viên công vụ (hành chính) địa phương .....	16
11. Thông dịch viên .....	17
12. Kiến trúc sư .....	18
13. Kỹ sư ô tô .....	19
14. Chuyên viên thiết kế web .....	20
Các nghề nghiệp khác .....	21
Trong công ty, mọi người làm việc như thế nào? .....	22

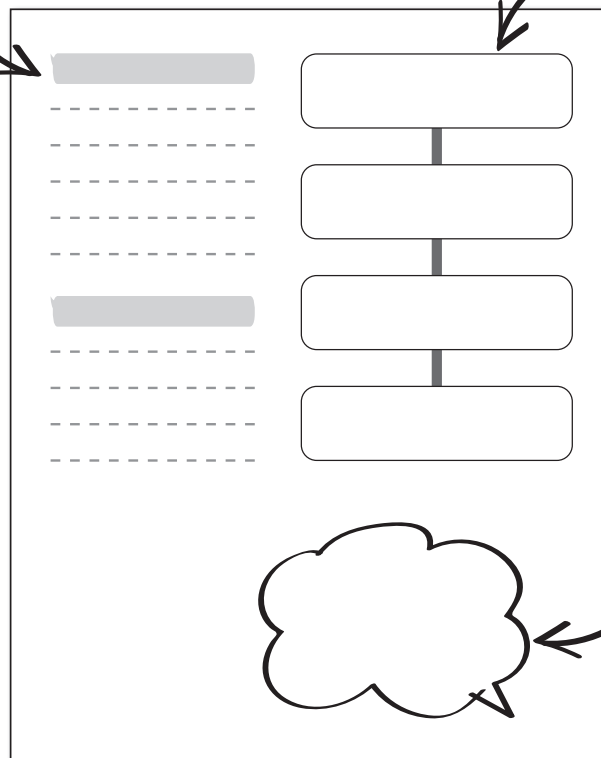
※ Thông tin trong cuốn sách hướng dẫn này là của thời điểm hiện tại (tháng 2 năm 2020). Vì vậy có thể sau này sẽ có thay đổi. Khi sử dụng thông tin, quý độc giả vui lòng tra cứu trên internet hoặc liên hệ các cơ quan hữu quan để xác nhận thông tin mới nhất.

# このガイドブックの使い方

7ページから20ページまでそれぞれの仕事について紹介しています。

- ①どんな仕事か
- ②どんな人が向いているか
- ③どうやったらなれるか  
が書いてあります！

中学校を卒業してからその仕事につくまでの方法が図になっています！



大事な一言が書いてあります。  
飛ばさないで読んでね！

- ・「先輩たちの体験談」には、みなさんと同じように外国につながる先輩たちのお話が載っています。どのように仕事を選んだのか、どうやって仕事についてのか、やりがいなどはどんなところか……。社会で活躍する先輩の話を読んでみましょう！
- ・「その他の仕事」では、7ページから20ページで取り上げられなかった仕事を紹介しています。必要な資格・在留資格についても載せています。参考にしてください。

※このガイドブックで紹介しているのは基本的な情報だけです。

在留資格や仕事は日々新しくなります。

つきたい仕事や気になる仕事があったら自分で調べてみましょう！

# Cách sử dụng sách hướng dẫn này

Từ trang 7 đến trang 20 là phần giới thiệu về một số nghề nghiệp.

- ① Nghề này cụ thể là làm gì?
- ② Tính cách nào thích hợp làm nghề này?
- ③ Cần làm gì để làm được nghề này?

Lộ trình từ lúc tốt nghiệp cấp 2 đến lúc ra làm nghề.

Đây là  
điểm máu chột!  
Em đừng bỏ qua nhé!

- Trong mục “chia sẻ của sempai” có các bài nói chuyện của các sempai có yếu tố nước ngoài như các em. Các sempai đã chọn nghề gì, học những gì để có thể làm nghề được và có hứng thú với nghề ở điểm nào... Các em hãy đọc những câu chuyện của các sempai đang làm việc rất tốt ngoài xã hội nhé!
- Trong mục “các nghề nghiệp khác” chúng tôi sẽ giới thiệu về những nghề chưa đề cập đến ở trang 7 – trang 20. Chúng tôi cũng nói về các bằng cấp chứng chỉ cần thiết và tư cách lưu trú. Các em hãy tham khảo nhé!

※ Những thông tin được giới thiệu trong cuốn sách hướng dẫn này là những thông tin rất cơ bản. Thông tin về tư cách lưu trú và nghề nghiệp sẽ luôn được đổi mới. Vì vậy, nếu có nghề nào muốn làm hoặc yêu thích thì các em hãy tự mình tra cứu thêm nhé!

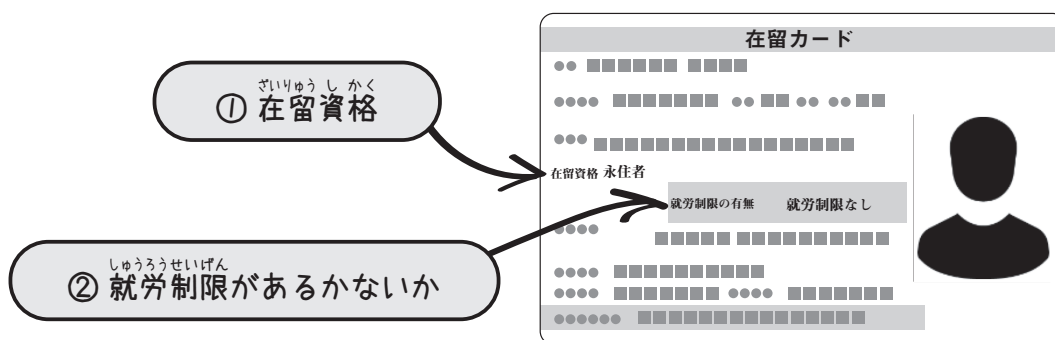
# ざいりゅうしかく 在留資格とは？

## ざいりゅうしかく なに 在留資格って何？

にほん がいこくじん ざいりゅうしかく とく にほん はたら なが  
日本にいる外国人はすべてなにかの在留資格をもっています。特に、日本で働いたり、長  
くす ざいりゅうしかく たいざい じゅうよう  
住んだりするときに、どの在留資格で滞在しているかが重要になります。

## ざいりゅうしかく 在留資格をチェックしよう！

じぶん ざいりゅう み とく  
自分の在留カードを見てみましょう。特にチェックするべきポイントは2つです。



ざいりゅうしかく はたら か  
在留資格によって、どのように働くことができるのかが変わってきます。

- ざいりゅうしかく えいじゅうしゃ しゅうろうせいげん  
1. 在留資格「永住者」…就労制限はありません
- ざいりゅうしかく ていじゅうしゃ しゅうろうせいげん  
2. 在留資格「定住者」…就労制限はありません
- ざいりゅうしかく かぞくたいざい しゅつにゅうこくざいりゅうかんりきぎやく にゅうかん しかがいかつどうきよか と  
3. 在留資格「家族滞在」…出入国在留管理局(入管)から「資格外活動許可」が取れば、  
しゅうかん じかん いない はたら  
1週間に28時間以内なら働くことができます。

※ かぞくたいざい にほん せいしやいん はたら  
「家族滞在」のまま日本で正社員として働くことができません。

にほん はたら ざいりゅうしかく へんこう ひつよう つぎ せつめい  
日本で働くには在留資格の変更が必要です。次のページでくわしく説明しています。

※ ねん がつ あたら とくていぎのう ざいりゅうしかく くわ けんせつぎょう せいぞうぎょう がいしょく  
2019年4月に新しく「特定技能」という在留資格が加わりました。建設業、製造業、外食  
さんぎょう ぶん や はたら にほんご ぶん や ぎのう しけん ごうかく かいしゃ ないてい  
産業などの14分野で働けます。日本語とその分野の技能の試験に合格し、会社の内定をも  
らえれば取ることができます。しかし、基本的にはきほんてき さいちよう ねんかん はたら  
と 5年間までしか働けないので、なが  
日本に住みたい場合はあまりおすすめできません。

★ ざいりゅうしかく しごと  
「在留資格」と仕事についてわからないことがあったら、このガイドブックを作ったNPO  
ほうじん そうだん  
法人ABCジャパンに相談してください (TEL : 045-550-3455 / Email : honbu@abcjapan.org)

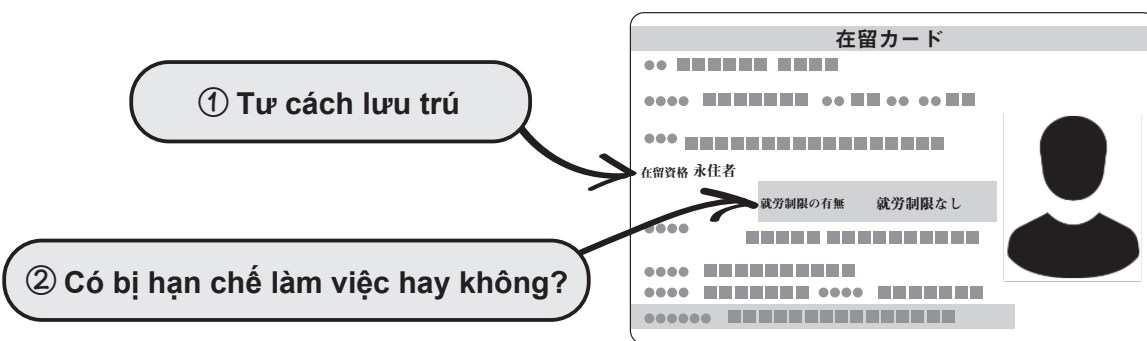
# Tư cách lưu trú là gì?

## Tư cách lưu trú là gì?

Bất cứ người nước ngoài nào sinh sống ở Nhật Bản đều phải có một tư cách lưu trú. Đặc biệt, khi làm việc hoặc khi sống lâu dài ở Nhật Bản, sử dụng tư cách nào để lưu trú là một điều hết sức quan trọng.

## Chúng ta hãy kiểm tra tư cách lưu trú của mình nào!

Các em hãy xem thẻ ngoại kiều của mình nhé! Có 2 điểm mà chúng ta cần đặc biệt để ý!



## Tư cách lưu trú sẽ quyết định việc chúng ta được làm việc như thế nào.

1. “Vĩnh trú (eijusha)”: Không bị hạn chế làm việc.
2. “Định trú (teijisha)”: Không bị hạn chế làm việc.
3. “Gia đình (kazoku taizai)”: Có thể làm việc được tối đa 28 giờ một tuần nếu xin được phép của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh.

※ Visa “gia đình” thì không thể làm việc ở Nhật Bản với tư cách là một nhân viên chính thức được. Nếu muốn làm việc ở Nhật Bản thì cần phải thay đổi tư cách lưu trú. Chúng tôi sẽ giải thích chi tiết ở trang sau.

※ Vào tháng 4 năm 2019, tư cách Kỹ năng đặc định (tokutei gino) đã được thêm vào. Có thể làm việc được ở 14 ngành chẳng hạn như xây dựng, sản xuất, kinh doanh ẩm thực,... Tuy nhiên, về cơ bản là chỉ làm việc được tối đa 5 năm, vì vậy, nếu các em muốn sống lâu dài ở Nhật thì chúng tôi không khuyến khích theo loại tư cách lưu trú này.

★ Nếu các em có thắc mắc gì về “tư cách lưu trú” và về nghề nghiệp thì các em hãy liên lạc đến tổ chức NPO ABC Japan, là tổ chức đã soạn thảo cuốn sách này.

(TEL : 045-550-3455 / Email : honbu@abcjapan.org)

# かぞくたいざい 「家族滞在」について

まつ ほうむしよはつびよう  
(2020年3月末 法務省発表)

かぞくたいざい ざいりゆうしかく にほん せいしやいん はたら  
「家族滞在」の在留資格をもっている人が日本で正社員として働くには？

① 「定住者」に変更 条件：日本の小学校と中学校を卒業し、日本の高校を卒業したか卒業予定で、就職先の内定をもらっている

② 「特定活動」に変更 条件：17歳までに来日している。  
日本の高校を卒業したか卒業予定で、就職先の内定をもらっていて、親が身元保証人として日本に住んでいる。  
日本の高校に途中から入った場合は、日本語能力試験N2程度以上の日本語能力があること。

③ 大学・短大・専門学校を卒業後に在留資格を変更

ざいりゆうしかく たと い か とお  
在留資格は例えば以下の通りです。

- ・「技術・人文知識・国際業務」… IT、エンジニア、貿易、通訳など
- ・「特定活動」… 日本の大学・大学院を卒業。N1に合格。日本語を生かす仕事につく人
- ・「介護」… 介護福祉士の試験に合格した人

※短大や専門学校で資格をとっても、仕事によってはあてはまる在留資格がなく、正社員として働けないことがあるので注意しましょう。

※就学中に「留学」の在留資格に変更可能です。「家族滞在」では奨学金をもらえない場合があります。

かぞくたいざい はたら  
「家族滞在」をもつ人が働くにはどんなケースがあるのでしょうか？

Aさん  
来日… 中学2年生  
将来の夢… 介護士

- ・高校や大学、短大、専門学校を卒業後、「特定活動」を取れます。
- ・介護福祉士の資格を取れば、「介護」の在留資格に変更できます。

Bさん  
来日… 高校1年生  
将来の夢… 美容師

- ・17歳までに来日して高校の最初から入学し、高校卒業後、専門学校などで勉強して美容師の資格を取れば「特定活動」に変更できます。そうすれば、正社員として働けます。

【ルール変更の注意点】高校を卒業しても、「定住者」や「特定活動」に変更できないのは、以下の3つの場合です。

- ① 来日したのが18歳になってから
- ② 高校に途中から編入して、日本語能力がN2程度未満
- ③ 親が日本にいない

「家族滞在」から他の在留資格に変更するのはとても大変です。早めに入出国在留管理局(入管)に相談するようにしましょう！



# Đối với người đang có visa gia đình

**Người có visa gia đình muốn làm việc ở Nhật Bản với tư cách là một nhân viên chính thức thì phải làm sao?**

## ① Đổi sang visa “teiju”

Điều kiện : Đến Nhật trước năm lớp 4, học cấp 2 (3 năm) và cấp 3 (3 năm) ở Nhật, và có giấy trúng tuyển vào công ty.

## ② Đổi sang visa “tokutei katsudo”

Điều kiện : Đến Nhật trước năm lớp 9, học cấp 3 (3 năm) ở Nhật, có giấy trúng tuyển vào công ty và đang sống cùng với bố mẹ.

## ③ Đổi visa sau khi tốt nghiệp Đại học-Cao đẳng-Senmon

Có các loại visa chẳng hạn như:

- “Kỹ sư-Tri thức nhân văn-Nghiệp vụ quốc tế”: IT, kỹ sư, xuất nhập khẩu, thông dịch,...
- “Tokutei katsudo”: Tốt nghiệp đại học, cao học của Nhật Bản. Đố N1. Làm công việc sử dụng tiếng Nhật.
- “Điều dưỡng”: Người đỗ kỳ thi chuyên viên điều dưỡng (kaigo-fukushi-shi)

※ Các em nên lưu ý là cũng có trường hợp tuy có bằng cao đẳng hoặc senmon nhưng do loại hình công việc mà không có loại visa phù hợp nên không thể làm nhân viên chính thức được.

※ Trong khi đang đi học thì các em có thể đổi sang visa du học. Vì nếu là visa gia đình thì có trường hợp các em không thể nhận được học bổng.

## Đối với người có visa gia đình muốn làm việc thì có trường hợp như thế nào?

※ Bạn B có thay đổi (Bạn A như cũ)

**Bạn A**



Đến Nhật vào năm 2 trung học cơ sở (lớp 8)  
Ước mơ làm điều dưỡng

- Sau khi tốt nghiệp cấp 3 và đại học hoặc cao đẳng hay senmon thì có thể lấy visa “tokutei katsudo”.
- Nếu lấy được chứng chỉ chuyên viên điều dưỡng (kaigo-fukushi-shi) thì có thể đổi sang visa “kaigo”.

**Bạn B**



Đến Nhật vào năm 1 trung học phổ thông (lớp 10)  
Ước mơ làm chuyên viên chăm sóc sắc đẹp

- Đến Nhật trước năm 17 tuổi, vào học trung học phổ thông từ năm 1, sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ vào senmon, nếu lấy được chứng chỉ chuyên viên chăm sóc sắc đẹp có thể đổi sang “tokutei katsudo”. Như vậy sẽ có thể làm việc được với tư cách là nhân viên chính thức.

**[Điểm lưu ý về thay đổi luật định]** Sau đây là 3 trường hợp không thể đổi sang visa “teiju” và “tokutei katsudo” dù đã tốt nghiệp cấp 3:

- ① Đến Nhật khi đã 18 tuổi
- ② Vào trung học phổ thông (cấp 2) giữa chừng mà không đạt N2
- ③ Bố mẹ không sống ở Nhật Bản

**Đổi từ visa gia đình sang các visa khác rất vất vả. Vì vậy, các em hãy sớm liên hệ với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh (nyukan) để hỏi về thủ tục, v.v.**

# しごと せんぱい たいけんだん 仕事をもつ先輩たちの体験談

## 【パティシエ】 ミキ ヴェロニカ ヤマグチさん（ブラジル出身）

Q1. どうしてこの仕事を選んだのですか？

小学生の時に、気まぐれで作ったお菓子を「おいしい！」と食べてもらえて嬉しかったのがきっかけで、お菓子作りが趣味になりました。自分の作ったお菓子をもっといろいろな人に食べてもらいたいと思い、この仕事を選びました。

Q2. どのようにしてこの仕事についてのですか？

専門学校にはケーキ屋、ホテル、カフェなどたくさんの求人はきていましたが、どこもピンときませんでした。悩んでいたときに、バイトをしていたケーキ屋がお店を紹介してくれて、そこに就職しました。決め手は、お店にイートインコーナーがあったことです。私の作ったケーキをお客さんが食べる姿を見られることに魅力を感じました。

Q3. 仕事で大変なこと、やりがいは何ですか？

仕事をしていて大変だなと思うことは、25kgの小麦粉を持ち上げたりするので体力や力が必要なことです。また、クリスマスやバレンタインなどイベントの時期はいつも以上に忙しく、自分はイベントを楽しめないことです。でもお客さんの笑顔を見たり、「おいしかった」という言葉を聞くと、疲れが飛び、もっとながらうとやりがいを感じます。

## 【美容師】 四本松 ミキさん（ブラジル出身）

Q1. どうしてこの仕事を選んだのですか？

私は小さい頃から髪の毛をいじったりするのが好きでした。テレビや雑誌で見たヘアアレンジやメイクをまねして姉妹や友だちにやってみたら、笑顔で「ありがとう」と言ってくれたのがすごく嬉しくて、美容師になろうと思いました。

Q2. どのようにしてこの仕事についてのですか？

美容師は免許が必要なので、まず美容専門学校に通いました。2年間国家試験取得に向けて勉強し、知識や基礎技術を学びました。私は大きいサロンよりも、アットホームな雰囲気があるサロンが自分に合っていると思ったので、個人店に勤めることにしました。

Q3. 仕事で大変なこと、やりがいは何ですか？

技術は少しずつ身につくのですが、やはり人と接する仕事である以上、お客さんに対しての言葉遣いや気遣いなど、コミュニケーションがすごく難しいと感じました。やりがいは、何と言っても笑顔であり、とうとう言ってもらえるときです。お客さんが喜んでる姿が何より嬉しいです。



# Chia sẻ của các sempai đang đi làm

## Thợ làm bánh / Miki Veronica Yamaguchi (gốc Brazil)

### Q1. Vì sao bạn chọn nghề này?

Khi mình học tiểu học, có một lần tự nhiên mình muốn làm bánh. Khi ăn bánh mình làm, mọi người ai cũng khen ngon. Vậy là làm bánh đã trở thành sở thích của mình. Mình chọn công việc này bởi vì mình muốn bánh của mình được nhiều người thưởng thức hơn.

### Q2. Làm thế nào bạn có được công việc hiện tại?

Có nhiều thông báo tuyển dụng các tiệm bánh ngọt, khách sạn, quán cà phê,... gửi đến trường mình. Nhưng chúng không thực sự hấp dẫn lắm. Trong lúc mình đang đau đầu để chọn nơi làm việc thì tiệm bánh ngọt mình đang làm thêm đã giới thiệu mình đến một tiệm khác. Và rồi mình đã bắt đầu làm việc ở đó. Mình chọn tiệm này là vì góc ngồi ăn trong tiệm. Ở đó mình có thể thấy được các vị khách thưởng thức bánh mình làm ra.



### Q3. Đâu là sự vất vả và đâu là phần thưởng tinh thần trong công việc này?

Điểm vất vả của công việc này là nó đòi hỏi bạn phải có sức khỏe về thể chất để có thể nâng được một bao bột nặng 25kg. Một điểm hơi buồn nữa là bạn sẽ không thể đi chơi vào dịp lễ No-en hay lễ tình nhân,... bởi vì tiệm bánh sẽ bận rộn hơn trong các dịp lễ đó. Nhưng mà khi trông thấy khách cười và nói “ngon quá!” thì những mệt nhọc của mình liền biến mất và mình cảm thấy có thêm động lực trong công việc của mình.

## Chuyên viên làm tóc / Miki Shihonmatsu (gốc Brazil)

### Q1. Vì sao bạn chọn nghề này?

Khi còn nhỏ mình luôn thích chơi với tóc. Mình đã quyết định sẽ trở thành một chuyên viên thẩm mỹ bởi vì mình cảm thấy rất vui khi nghe được lời cảm ơn từ các chị và các bạn của mình sau khi mình làm tóc và trang điểm cho họ theo hướng dẫn trên tivi và tạp chí.

### Q2. Làm thế nào bạn có được công việc hiện tại?

Trước tiên mình đã theo học senmon thẩm mỹ bởi vì để trở thành một chuyên viên thẩm mỹ cần phải lấy được bằng thẩm mỹ. Trong 2 năm học ở trường, mình đã cố gắng học tập về kiến thức và kỹ thuật cơ bản cũn như ôn luyện cho kỳ thi quốc gia. Mình nghĩ là mình hợp với salon có bầu không khí gần gũi như ở nhà hơn là salon lớn, vì vậy mình đã chọn làm việc ở một tiệm làm đẹp tư nhân.



### Q3. Đâu là sự vất vả và đâu là phần thưởng tinh thần trong công việc này?

Về mặt kỹ thuật thì mình có thể rèn luyện dần dần, nhưng mình thấy là đối với công việc tiếp xúc với khách hàng thì giao tiếp là một điều thực sự khó, bởi vì bạn cần phải chú ý đến cách dùng từ đối với khách và phải biết cách chăm sóc khách. Phần thưởng tinh thần quý nhất đối với mình là khi được khách cảm ơn kèm một nụ cười. Mình sung sướng nhất khi thấy khách hàng của mình hài lòng.

しょうがっこうきょうし かとう しゅっしん  
【小学校教師】 加藤 エリカさん（ブラジル出身）

Q1. どうしてこの仕事を選んだのですか？

幼い時に「ブラジル人」だから家が借りにくい、仕事につきにくいという現実があることを知り、それは差別だと感じました。差別をなくすためには教育から変えていく必要があると思います、小学校教員になろうと決めました。



Q2. どのようにしてこの仕事についてのですか？

小学校教員免許の取れる大学を卒業し、教員免許を取り、市役所で非常勤講師登録を行いました。現在は、臨時的任用職員として働いています。

Q3. 仕事で大変なこと、やりがいは何ですか？

大変なことは、子どもたちが少しでも理解できるように授業、考えさせる授業を作り、その中に自分の伝えたいメッセージを入れていくことです。また、授業をするだけでなく、授業の準備、学校の仕事、行事などがあるので、仕事が多いことが大変です。大変なことはたくさんありますが、子どもたちの成長に関われることがやりがいにつながります。子どもたちに救われる職業です。

かいごし みとべ しゅっしん  
【介護士】 水戸部 マリアさん（フィリピン出身）

Q1. どうしてこの仕事を選んだのですか？

私は人と深く長く関わりたいと思い、介護士になろうと決めました。就職活動を行い、自分の軸にしていることができて、さらに自分が成長できると思ったのが今働いている会社でした。また、介護事業だけでなく教育なども幅広くやっていることにも魅力に感じました。

Q2. どのようにしてこの仕事についてのですか？

企業説明会に参加し、今の会社を見つけインターンシップに参加しました。インターンシップに参加した後、面接と筆記試験を受けました。内定をいただいた後、初任者研修という実技の練習と介護について勉強する講習を14日間受けました。講習の最終日に試験があり、合格しないと介護の仕事ができなかったので、がんばりました。



Q3. 仕事で大変なこと、やりがいは何ですか？

お手伝いをしたことによって入居者の方の笑顔を見ることができたときは、やりがいをすごく感じます。また、最近ではお風呂が嫌いな方の入浴をスムーズに行えるようになり、気持ちよくお風呂に入れているのを見たときに嬉しく思います。まだ働き始めて1年も経っていませんが自分のホームでの役割を見つけられた気がします。

## Giáo viên tiểu học / Erika Kato (gốc Brazil)

### Q1. Vì sao bạn chọn nghề này?

Khi còn nhỏ mình đã biết được một thực tế là người Brazil rất khó thuê được nhà và tìm được một công việc. Mình cảm thấy đó chính là sự phân biệt đối xử. Mình nghĩ rằng để làm mất đi sự phân biệt đối xử thì cần thay đổi từ giáo dục, vì vậy mình đã quyết định sẽ trở thành một giáo viên tiểu học.



### Q2. Làm thế nào bạn có được công việc hiện tại?

Mình đã tốt nghiệp đại học có thể lấy bằng giáo viên tiểu học, sau đó mình lấy bằng giáo viên, rồi mình đăng ký làm giáo viên không chính quy tại shiyakusho (ủy ban nhân dân). Hiện tại mình đang làm giáo viên hợp đồng.

### Q3. Đâu là sự vất vả và đâu là phần thưởng tinh thần trong công việc này?

Điều khó khăn là mình phải tạo ra một giờ học sao cho học sinh hiểu được bài dù chỉ một chút thôi, sao cho học sinh biết tự suy nghĩ càng nhiều càng tốt, và cảm nhận được điều mình muốn truyền đạt. Ngoài ra, ngoài giờ lên lớp mình còn có rất nhiều việc phải làm chẳng hạn như chuẩn bị bài giảng, làm các công việc của nhà trường hay các công tác chuẩn bị cho sự kiện của trường. Mặc dù vậy, đây là một công việc rất có ý nghĩa bởi vì mình có thể tham dự vào quá trình trưởng thành của học sinh. Các em học sinh chính là động lực để mình làm nghề.

## Điều dưỡng / Maria Mitobe (gốc Philippines)

### Q1. Vì sao bạn chọn nghề này?

Mình chọn nghề điều dưỡng bởi vì mình muốn có mối quan hệ lâu dài và sâu sắc với người khác. Khi đi tìm việc, mình đã chọn nơi làm việc hiện tại vì mình thấy ở đây mình có thể phát huy các kỹ năng và phát triển bản thân. Ngoài ra công ty mình còn có một điểm hấp dẫn nữa là sự đa dạng ngành nghề, không chỉ có ngành điều dưỡng mà còn có ngành giáo dục, v.v.

### Q2. Làm thế nào bạn có được công việc hiện tại?

Mình tìm thấy công ty hiện tại qua buổi giới thiệu doanh nghiệp và mình xin vào làm thực tập. Sau đó mình đã dự phỏng vấn và thi kỳ thi đầu vào. Sau khi nhận naitei, mình được tham gia một khóa huấn luyện 14 ngày dành cho nhân viên mới, học về điều dưỡng và thực hành. Vào ngày cuối của khóa huấn luyện có bài thi, nếu không đỗ thì không làm việc được, vì vậy mình đã cố gắng hết sức.



### Q3. Đâu là sự vất vả và đâu là phần thưởng tinh thần trong công việc này?

Khi trông thấy nụ cười của các cụ trong viện, mình cảm thấy rất hạnh phúc. Gần đây mình rất vui vì mình đã học được kỹ năng tắm cho các cụ khiến các cụ trước đây không thích tắm cũng vui vẻ vào bồn tắm. Tuy chỉ mới làm việc được gần 1 năm nhưng mình cảm thấy là mình đã tìm ra được vai trò của mình ở nơi làm việc.

ちほうこうむいん ささき せいしやう ちゆうごくしゅっしん  
【地方公務員】 佐々木 聖壘さん (中国出身)

Q1. どうしてこの仕事を選んだのですか？

2050年、日本の人口は一億を割り込む見通しです。一方、日本にきている外国人は毎年20万を超え、増加の一途をたどっています。これだけ外国人が増える中、やはり役所の中でも外国籍の人がいなければならないと思います。「多文化共生」の先頭に立ちながら、国際都市とされている横浜で働くことを決意しました。

Q2. どのようにしてこの仕事についてのですか？

受験の1年前から準備をしていました。公務員試験に合格するための予備校に通い、生の講義を聞いたうえで、わからないところや聞き取れない部分は、ネットのビデオ講義を何十回もくり返し見て勉強しました。横浜市は、面接重視ですので、日本語を流暢に言えるように練習しました。また、毎日時事を確認し、論文の書き方についても習いました。

Q3. 仕事で大変なこと、やりがいは何ですか？

日本人市民のためだけでなく、外国人、外国ルーツをもつ人々のためにもがんばりたいです。公務員は、幅広い分野でさまざまな仕事をします。どの分野においても、常に多文化共生の視点や観点をもち、仕事をしたいと思っています。地域の日本人や外国人の仲良くできる環境づくりをするのがこれからの目標です。



けんちくか イデグチ ムツキさん (ブラジル出身)  
【建築家】

Q1. どうしてこの仕事を選んだのですか？

もともと建築に興味があり、大学で建築について勉強していました。大学生の時に、自分が好きに建物を作っても設備がしっかりしていなかったら、その建物は10年持つのか、ダメになってしまうのではないかと、住んでいるうちにストレスが溜まるのではないかと考えるようになりました。だから、建築の中でも設備を整える仕事を選びました。

Q2. どのようにしてこの仕事についてのですか？

建物の設備を整える仕事をしたいと思っていました。そこで現場で働くことのできる会社を選び、面接をして今の会社に入社しました。この会社は大学の先生の紹介をきっかけに知りました。

Q3. 仕事で大変なこと、やりがいは何ですか？

大変なことは、工事の期間を考えることです。お客さんはできるだけ早く建物を完成させてほしいから、会社としては短い期間で工事を行おうと考えます。しかしそうすると、私たちの仕事の時間が長くなってしまいます。お客さんと働く側との兼ね合いを考えるのが難しいです。今取り組んでいる設備の仕事はほんの一部でしかなく、そのすべては一生かかってもわからないだろうなと思っています。だから、やりがいは、仕事をすればするほど建物の設備は奥が深いとわかることです。



## Nhân viên công vụ địa phương / Seisho Sasaki (gốc Trung Quốc)

### Q1. Vì sao bạn chọn nghề này?

Người ta dự đoán rằng năm 2050, dân số Nhật Bản sẽ vào khoảng 100.000.000 người. Trong khi đó, số người nước ngoài đến Nhật Bản hàng năm đang vượt hơn 200,000 người mỗi năm. Mình nghĩ rằng nếu số lượng người nước ngoài tăng lên nhiều như vậy thì chắc chắn là trong ủy ban nhân dân cũng cần phải có người nước ngoài. Mình đã chọn làm việc ở Yokohama, nơi được xem là thành phố quốc tế dẫn đầu về “xã hội đa văn hóa”.



### Q2. Làm thế nào bạn có được công việc hiện tại?

Mình bắt đầu chuẩn bị cho kỳ thi một năm trước đó. Mình đã vào trường luyện thi kỳ thi công chức, mình nghe giảng trực tiếp, chỗ nào không hiểu hoặc nghe không được thì mình xem đi xem lại video bài giảng đến mấy mươi lần. Thành phố Yokohama chú trọng phỏng vấn, vì vậy mình đã luyện tập để thành thạo tiếng Nhật. Ngoài ra mình còn theo dõi thời sự hàng ngày và luyện cách viết luận văn nữa.

### Q3. Đâu là sự vất vả và đâu là phần thưởng tinh thần trong công việc này?

Mình muốn nỗ lực hết mình không chỉ cho công dân Nhật Bản mà còn cho người nước ngoài. Nhân viên công vụ làm việc ở nhiều lãnh vực. Dù làm việc ở lãnh vực nào mình cũng muốn đứng trên quan điểm xã hội đa văn hóa. Mục tiêu tương lai của mình là tạo ra một môi trường ở đó người Nhật địa phương và người nước ngoài có thể cùng chung sống vui vẻ.

## Kiến trúc sư / Mutsuki Ideguchi (gốc Brazil)

### Q1. Vì sao bạn chọn nghề này?

Mình vốn thích kiến trúc, vì vậy mình đã theo học kiến trúc ở đại học. Khi còn là sinh viên mình đã suy nghĩ rằng giả như mình có xây nên một căn nhà như mình muốn mà nếu trang thiết bị không đạt chất lượng thì có thể căn nhà không bền được tới 10 năm, nó sẽ bị hư hỏng hoặc gây ra stress cho chủ nhân. Điều này dẫn đến việc mình đã chọn công việc chọn và lắp đặt trang thiết bị chất lượng trong số các công việc liên quan đến kiến trúc.



### Q2. Làm thế nào bạn có được công việc hiện tại?

Mình muốn làm công việc chọn và lắp đặt trang thiết bị. Vì vậy mình đã chọn công ty có thể làm việc tại công trình. Mình đã tham gia phỏng vấn và đỗ vào công ty. Đây là công ty thầy giáo ở đại học giới thiệu cho mình.

### Q3. Đâu là sự vất vả và đâu là phần thưởng tinh thần trong công việc này?

Khó khăn nhất là việc tính thời hạn thi công. Vì khách hàng luôn muốn công trình hoàn thành càng sớm càng tốt nên là công ty thì phải tính sao để có thể thi công trong thời hạn ngắn nhất. Mà như vậy thì thời gian làm việc của người thợ sẽ phải dài ra. Thật khó để cân bằng giữa yêu cầu của khách hàng với thợ. Công việc mình đang làm chỉ là một phần nhỏ trong lãnh vực trang bị. Mình nghĩ là cả đời mình cũng không đủ để hiểu hết tất cả về lãnh vực này. Vì vậy điều mình cảm thấy ý nghĩa là càng làm thì càng hiểu sâu thêm về lãnh vực này.

# りょうりにん 1. 料理人

## どんな仕事？

レストランやホテルなどで料理を作ります。  
仕事内容は次の通りです。

- ・料理、もりつけ
- ・皿洗い
- ・お店のそうじ

働くお店によっては、注文を受けて料理を運ぶこともあります。

## どんな人が向いている？

- ・料理が好き！
- ・手先が器用！
- ・食べるのも、食べさせるのも好き！

## 料理人になるには？

学歴や資格は特に必要ありません！

国家資格「調理師免許」を取ることできます。

調理師免許を取ることのメリットは3つです。

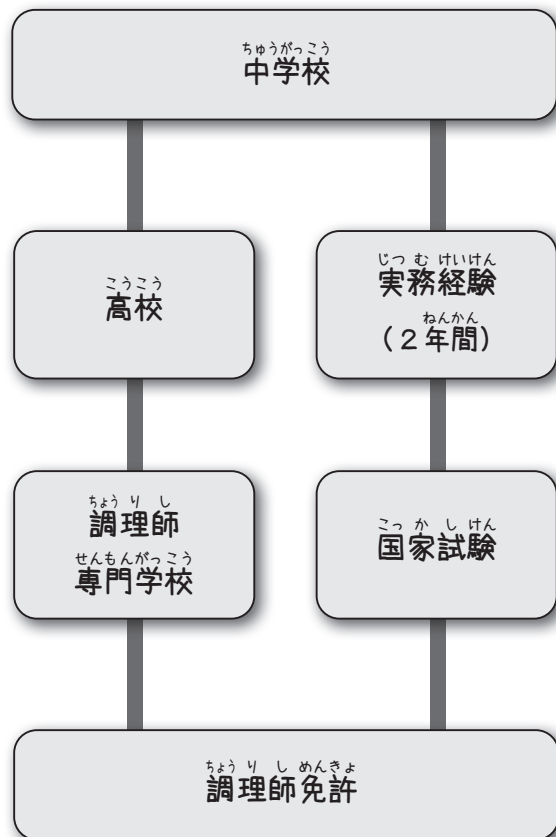
- ・就職に役立つ
- ・給料が上がる場合がある
- ・お客さんからの信用度が上がる

## 調理師免許を取るには？

2つの方法があります。

- ① 調理師の専門学校に通う
- ② 国家試験に合格する

p.3 『家族滞在』についてをよく読んでね！



せんもんがっこう かよ 専門学校に通うと  
こっか しけん 国家試験を受けずに  
めんきよ と 免許が取れる！

じぶん つく りょうり 自分の作った料理で  
ひと えが お 人を笑顔に！





# 1. Đầu bếp

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Nấu ăn ở nhà hàng, khách sạn...v.v.. Nội dung công việc như sau:

- Nấu ăn, trang trí món ăn
- Rửa chén
- Dọn dẹp nơi làm việc

Cũng có những nơi làm việc yêu cầu đầu bếp nhận đơn gọi món và mang thức ăn ra cho khách.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em yêu thích việc nấu ăn!
- Em khéo tay!
- Em thích ăn uống và cũng thích phục vụ món ăn cho người khác!

## Cần làm gì để có thể trở thành đầu bếp?

Bạn không cần phải có bằng cấp hay học vị gì đặc biệt!

Nếu thích bạn có thể thi chứng chỉ quốc gia “Chứng chỉ đầu bếp”.

3 lợi ích khi có Chứng chỉ đầu bếp:

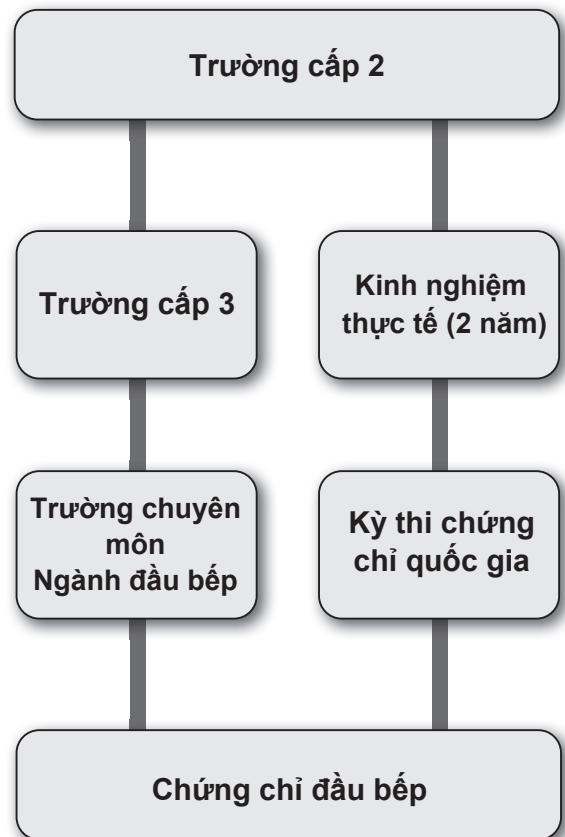
- Thuận lợi khi xin việc
- Có thể được tăng lương
- Tăng sự tin tưởng từ khách hàng

## Để lấy được chứng chỉ đầu bếp?

Có 2 cách như sau:

- ① Đi học trường senmon ngành đầu bếp
- ② Đậu kỳ thi chứng chỉ quốc gia

Hãy đọc kỹ {Về “Visa gia đình”} ở trang 3!



Khi đi học trường senmon ngành đầu bếp thì không cần phải tham gia kỳ thi chứng chỉ quốc gia vẫn lấy được Chứng chỉ đầu bếp.

Mang lại nụ cười cho mọi người bằng những món ăn do mình tự nấu.



# びようし 2. 美容師

## どんな仕事？

お客さんのヘアスタイルを整えます。

たとえば…

- ・シャンプー、カット、ブロー
- ・カラーリング、パーマ、ヘアセットなど

最初はアシスタントとして、スタイリストの手伝いやシャンプーを担当します。

## どんな人が向いている？

- ・おしゃれが好き！
- ・人と話すのが好き！
- ・手先が器用！

## 美容師になるには？

美容学校に通い、国家試験に合格しなくてはなりません。

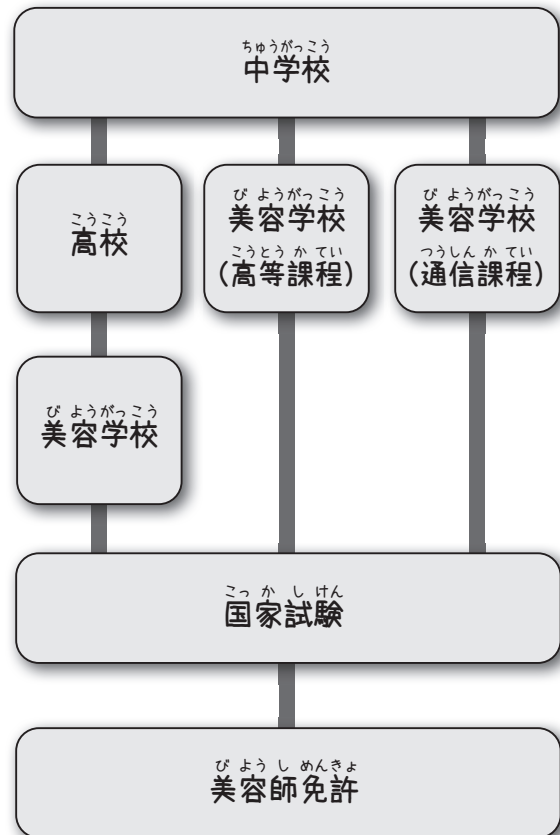
ヘアサロン、結婚式場などで働きます。

お客さんの家に行く「訪問美容」もあります。

## 美容学校の種類

	つうがくねんすう 通学年数	じゆぎやうりやう 授業料
ちゆうかん かてい 昼間課程	ねん 2年	まん まん 200万～280万
やかん かてい 夜間課程	ねん 2年	まん まん 150万～250万
つうしん かてい 通信課程	ねん 3年	まん まん 50万～100万
こうとう かてい 高等課程 (こうとうせんしゅうがっこう 高等専修学校)	ねん ねん 2年～3年	ちゆうかん まん まん 昼間：200万～250万 やかん やく まん 夜間：約180万

p.3 『家族滞在』についてをよく読んでね！



こうこうそつぎやうにんていと  
高校卒業認定が取れる！

# 2. Chuyên viên làm tóc

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Làm đẹp tóc cho khách.

Ví dụ như:

- Gội đầu, cắt, sấy
- Uốn, nhuộm, tạo kiểu

Bạn đầu sẽ làm thợ phụ, hỗ trợ cho thợ chính và phụ trách gội đầu cho khách.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em yêu thích việc làm đẹp!
- Em thích trò chuyện với nhiều người!
- Em khéo tay!

## Cần làm gì để có thể trở thành chuyên viên làm tóc?

Bạn phải theo học trường chuyên môn ngành Tóc và phải thi đỗ kỳ thi chứng chỉ quốc gia.

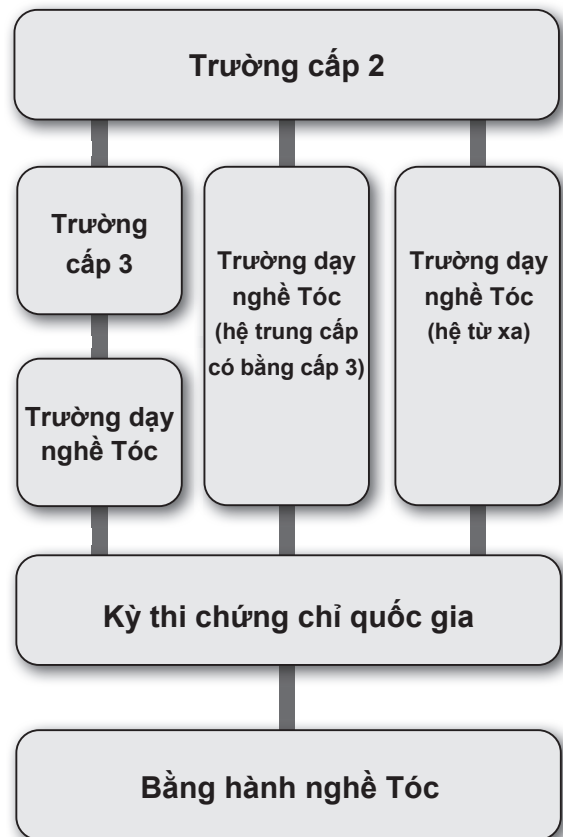
Bạn sẽ làm việc ở tiệm làm tóc, sảnh tổ chức đám cưới...v.v.

Bạn cũng có thể đến nhà riêng của khách theo dạng dịch vụ làm tóc tại nhà.

## Phân loại trường đào tạo chuyên viên làm tóc

	Số năm theo học	Học phí
<b>Hệ ban ngày</b>	2 năm	2 triệu yên ~ 2.8 triệu yên
<b>Hệ ban đêm</b>	2 năm	1.5 triệu yên ~ 2.5 triệu yên
<b>Hệ từ xa</b>	3 năm	500,000 yen ~ 1 triệu yên
<b>Hệ trung cấp (Trường dạy nghề có bằng cấp 3)</b>	2 năm - 3 năm	Ban ngày: 2 triệu yên ~ 2.5 triệu yên Ban đêm: khoảng 1.8 triệu yên

Hãy đọc kỹ {Về “Visa gia đình”} ở trang 3!



Lấy được chứng nhận tốt nghiệp cấp 3.

# 3. ホテルスタッフ

## どんな仕事？

ホテルを使うお客さんにいろいろなサービス  
をします。

たとえば…

- ・フロントでお客さんのチェックイン&  
チェックアウト、予約の対応
- ・お客さんの荷物を部屋まで運ぶ
- ・ホテルのレストランで食べ物を運ぶ
- ・客室のそうじ

働くホテルによっては24時間営業のところ  
もあります。

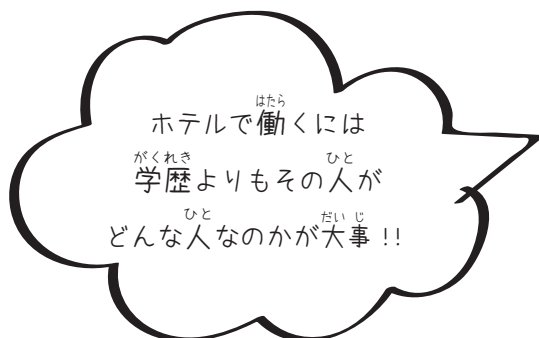
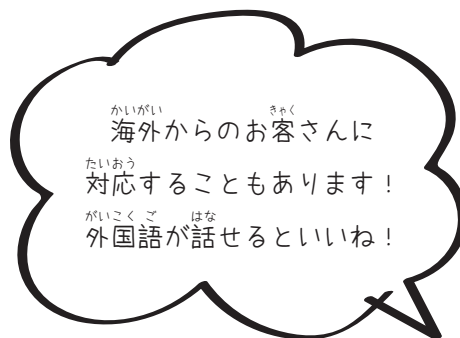
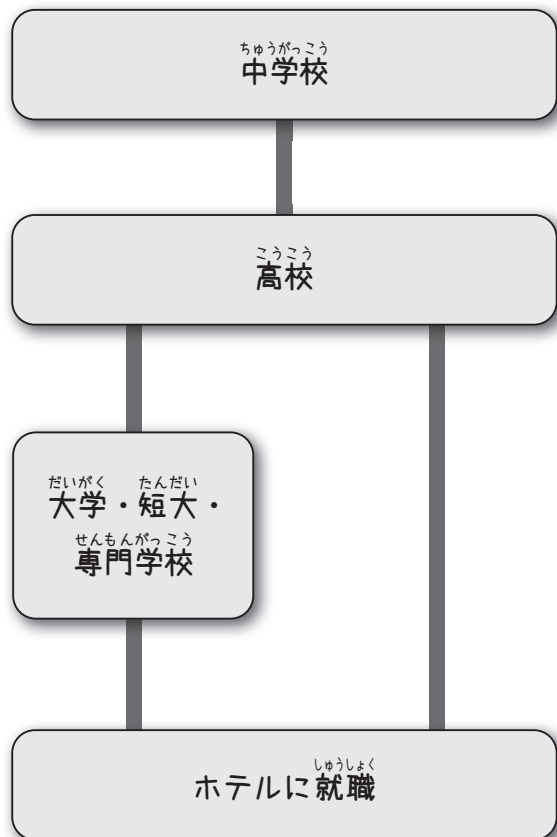
## どんな人が向いている？

- ・気くばりができる！
- ・人を喜ばせるのが好き！
- ・人と接するのが好き！

## ホテルで働くには？

高校卒業以上の学歴が必要です。資格は必要  
ありません。

大学・短大・専門学校でホテルの仕事について  
学ぶこともできます。



# 3. Nhân viên khách sạn

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Phục vụ cho khách ở lại khách sạn.

Ví dụ...

- Làm thủ tục đặt phòng, check in, check out tại quầy lễ tân
- Mang hành lý lên phòng cho khách
- Phục vụ bàn ở nhà hàng của khách sạn
- Dọn phòng

Cũng có những khách sạn hoạt động 24/24

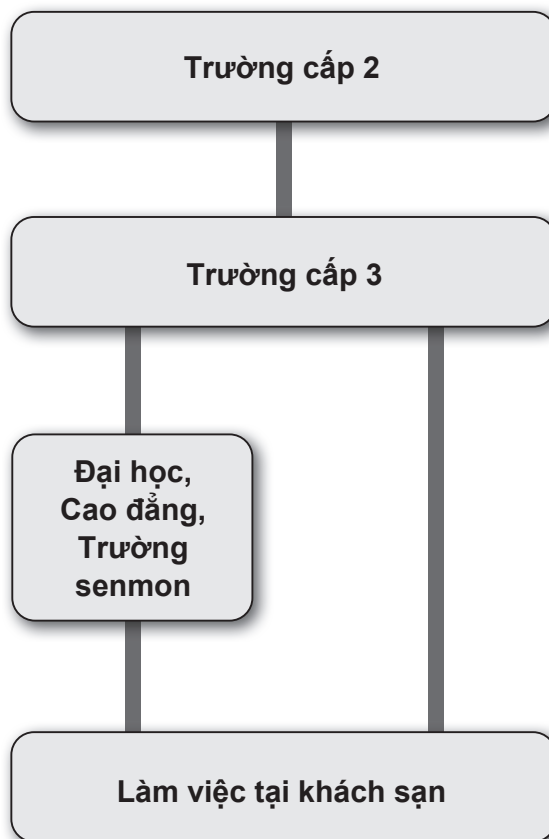
## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em có thể để ý và giúp đỡ cho người khác!
- Em thích làm cho mọi người vui vẻ!
- Em thích được tiếp xúc với nhiều người!

## Cần làm gì để có thể trở thành nhân viên khách sạn?

Ít nhất em phải tốt nghiệp cấp 3. Em không cần chứng chỉ.

Em cũng có thể học nghề khách sạn ở trường chuyên môn, trường cao đẳng hoặc trường đại học.



Cũng có lúc phải phục vụ khách nước ngoài. Nếu nói được tiếng nước ngoài thì quá tốt!

Để làm việc ở khách sạn thì trình độ không quan trọng bằng việc em là người như thế nào!



# 4. ツアーコンダクター

## どんな仕事？

ツアーに同行し、お客さんが安全にツアーを楽しむようにする仕事です。「添乗員」とも言われます。

仕事の内容は次の通りです。

- ・スケジュール管理
- ・出入国手続きのサポート(海外旅行の場合)
- ・ホテル、観光地の案内
- ・病気、盗難などのトラブル対応

## どんな人が向いている？

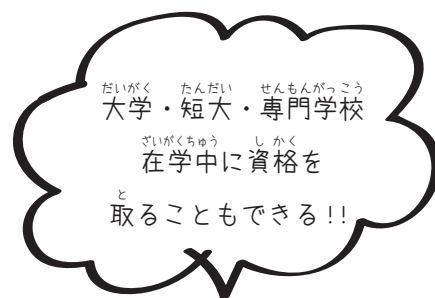
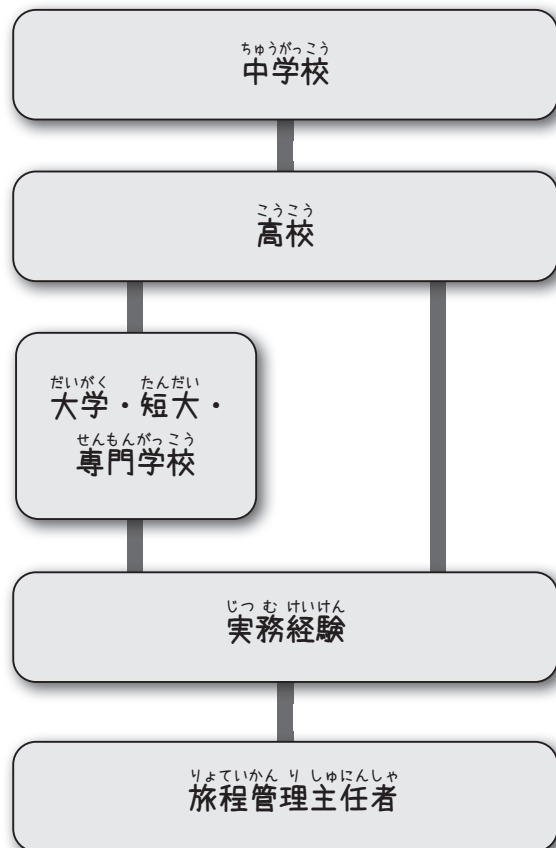
- ・いつでも明るく、人を喜ばせるのが好き！
- ・何が起こっても冷静！
- ・体力に自信がある！
- ・旅行が好き！

## ツアーコンダクターになるには？

「旅程管理主任者」の資格が必要です。

ツアーコンダクターの仕事について学び、試験を受けます。そして、実際に働くことで資格が取れます。

ツアーコンダクターになるのに学歴は必要ありません。しかし、大学・短大・専門学校を卒業するのが一般的です。



# 4. Hướng dẫn viên du lịch

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Là công việc đi cùng đoàn, giữ an toàn để khách được vui trọn vẹn trong chuyến du lịch. Họ còn được gọi là “Tenjōin”.

Nội dung công việc như sau:

- Quản lý lịch trình
- Hỗ trợ thủ tục xuất nhập cảnh (trường hợp là công ty du lịch)
- Hướng dẫn về khách sạn, hướng dẫn tại các điểm tham quan.
- Xử lý các vấn đề phát sinh khi khách bị bệnh, bị trộm cắp, v.v.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

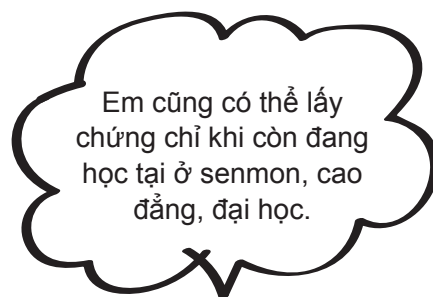
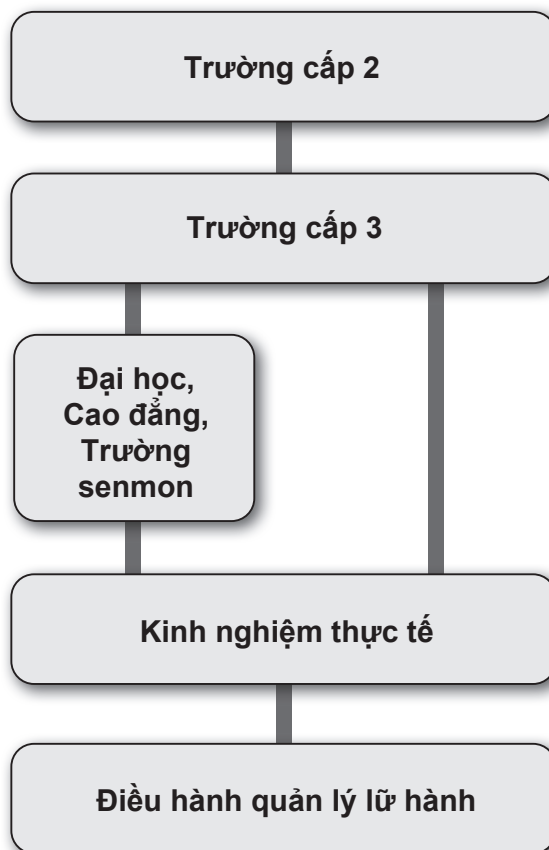
- Em luôn vui vẻ và cũng thích làm cho người khác vui vẻ!
- Khi có chuyện gì xảy ra em cũng có thể giữ bình tĩnh!
- Em tự tin về thể lực của mình!
- Em yêu thích du lịch!

## Cần làm gì để có thể trở thành hướng dẫn viên du lịch?

Em cần có chứng chỉ “Điều hành quản lý lữ hành”.

Em học về công việc của hướng dẫn viên và tham gia kỳ thi. Sau đó có thể lấy chứng chỉ thông qua việc làm việc thực tế.

Hướng dẫn viên du lịch thì không cần trình độ cao. Tuy nhiên thông thường là tốt nghiệp senmon, cao đẳng hoặc đại học.



# 5. キャビンアテンダント(CA)

## どんな仕事？

飛行機に乗るお客さんの安全を守ったり、サービスを提供したりします。

たとえば…

- ・緊急時の対応
- ・病気の人の対応
- ・食べ物、飲み物の提供

## どんな人が向いている？

- ・何が起きても落ち着いて行動することができる！
- ・チームプレイができる！
- ・体力がある！（不規則な生活になることも…）

## CAになるには？

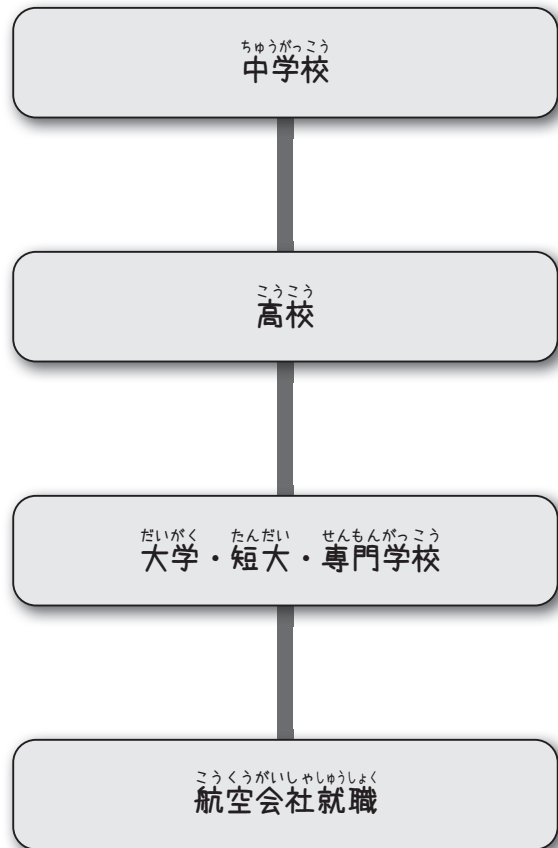
大学・短大・専門学校を卒業する必要があります。

主な応募条件は以下の通りです。

- ・年齢（20代前半から30代前半）
- ・身長制限（約160cm以上）
- ・英語力

外国の会社だと、  
その国の言語ができると  
有利です！！

身長の高さは  
荷物入れの扉を  
閉めるのに必要！





# 5. Tiếp viên hàng không (CA)

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Là công việc cung cấp dịch vụ và đảm bảo an toàn cho hành khách trên máy bay.

Ví dụ:

- Xử lý khi có trường hợp khẩn cấp
- Xử lý khi có người bị bệnh
- Phục vụ thức ăn và đồ uống

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

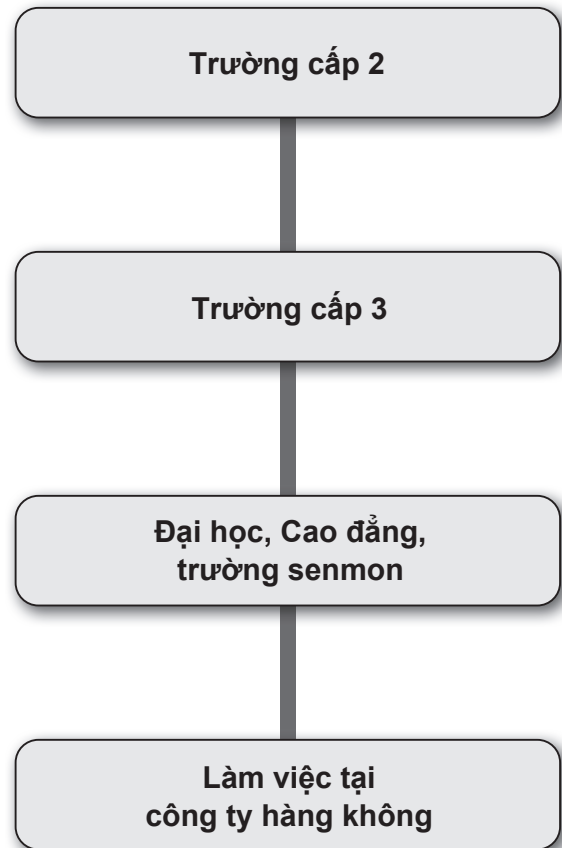
- Dù có bất cứ chuyện gì xảy ra thì cũng có thể bình tĩnh xử lý!
- Em có thể làm việc theo nhóm!
- Em tự tin về thể lực của mình (dù không đúng theo thói quen sinh hoạt thông thường)

## Cần làm gì để có thể trở thành CA?

Bắt buộc phải tốt nghiệp trường senmon, hoặc cao đẳng hoặc đại học.

Dưới đây là những điều kiện tuyển dụng cơ bản:

- Tuổi tác (khoảng hơn 20 tuổi đến khoảng hơn 30 tuổi)
- Điều kiện về chiều cao (khoảng trên 1.6 mét)
- Năng lực tiếng Anh



# ちゅうがっこうきょうし 6. 中学校教師

## どんな仕事？

ちゅうがっこう せいと べんきょう おし  
中学校で生徒に勉強を教えます。

しょうがっこう せんせい ちが  
小学校の先生と違って、1つの教科だけを  
おし  
教えます。

ほかに  
その他にも…

- ・自分のクラスをもつ
- ・進路指導
- ・生活指導
- ・部活の顧問

## どんな人が向いている？

- ・子どもが大好き！
- ・勉強を教えるのが好き！
- ・面倒見がいい！

## 教師になるには？

きょういんめんきょ と きょういんさいようしけん ごうかく  
教員免許を取り、教員採用試験に合格する  
ひつよう  
必要があります。

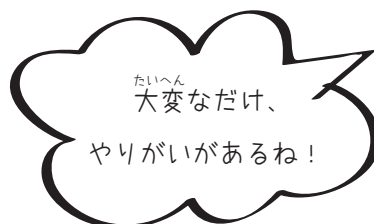
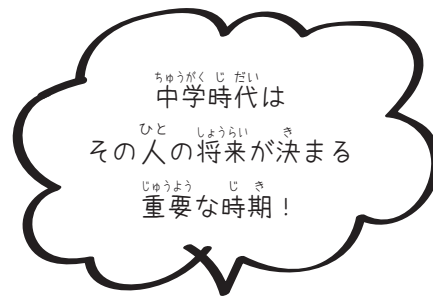
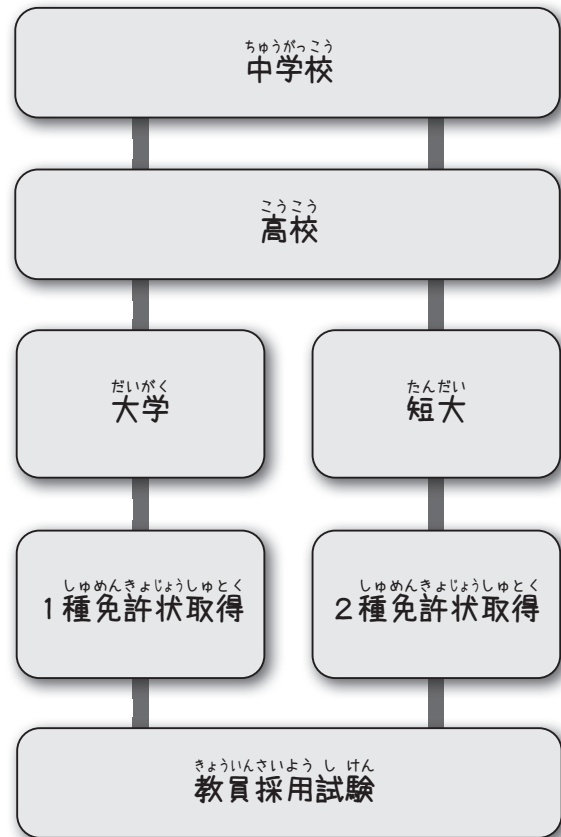
きょういんめんきょ と ほうほう  
教員免許を取るには2つ方法があります。

- ①大学の教職課程を終える
- ②短大の教職課程を終える

きょうしよくかてい べんきょう きょういくじっしゅう おこな  
教職課程では勉強と教育実習を行います。

きょういんめんきょだい しゅ だい しゅ おし ないよう  
※教員免許第1種と第2種は、教える内容や

きゅうりよう さ  
給料に差はありません！！



# 6. Giáo viên trường cấp 2

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Dạy học cho học sinh trường cấp 2.  
Khác với giáo viên tiểu học, bạn chỉ cần dạy 1 môn học thôi.

Ngoài ra thì...

- Chủ nhiệm lớp
- Định hướng việc học lên cho học sinh
- Hướng dẫn về mặt đời sống cho học sinh
- Hướng dẫn câu lạc bộ sau giờ học

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em yêu thích trẻ con!
- Em yêu thích việc dạy học!
- Em thích chăm lo cho người khác!

## Cần làm gì để có thể trở thành giáo viên cấp 2?

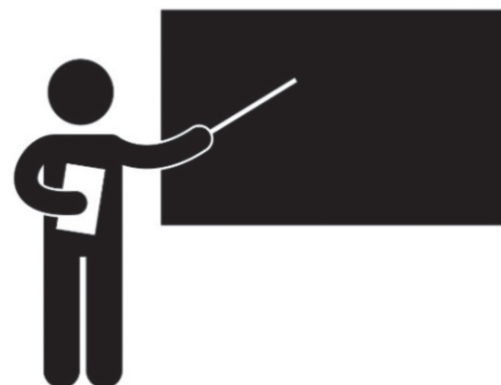
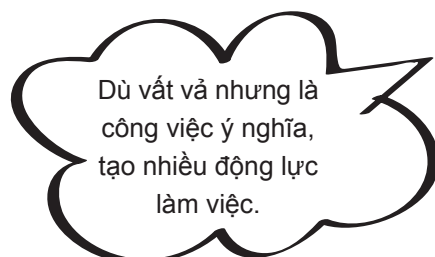
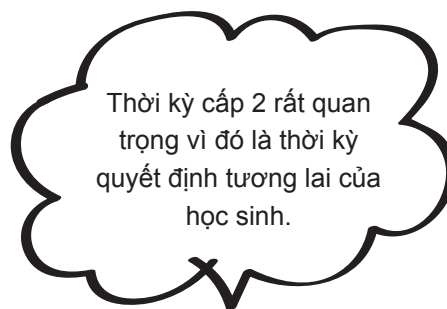
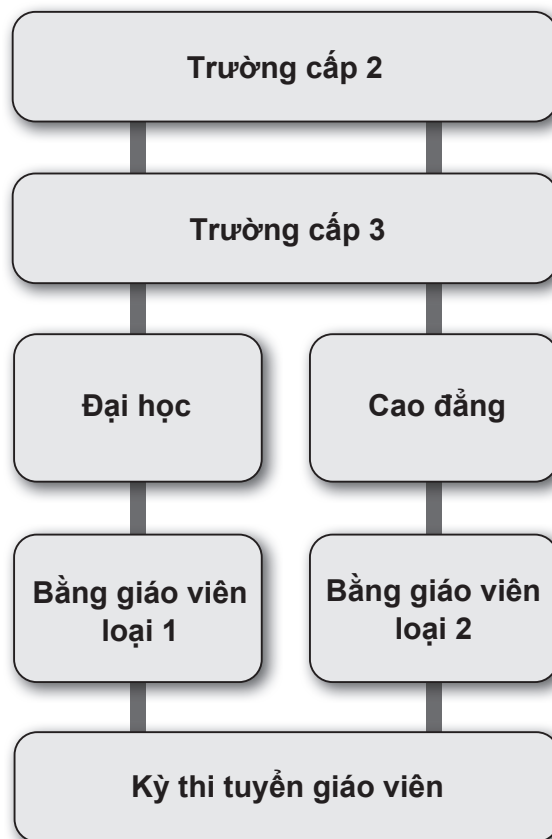
Em cần phải lấy bằng giáo viên và thi đỗ kỳ thi tuyển công chức giáo viên

Có 2 cách để lấy bằng giáo viên

- Hoàn thành học phần sư phạm ở trường Đại học.
- Hoàn thành học phần sư phạm ở trường Cao đẳng.

Trong học phần sư phạm có dạy về lý thuyết và thực hành việc giảng dạy

※ Không có sự khác biệt về lương hay nội dung giảng dạy giữa bằng giáo viên loại 1 và loại 2.



# ほいくし 7. 保育士

## どんな仕事？

保育園で働きます。0歳から6歳までの子どもを世話したり、いろいろなことを教えたりします。具体的には…

- ・ 食事、トイレ、歯みがき、服の脱ぎ着を教える
- ・ 一緒に遊んだり、寝かしつけたりする
- ・ 子どもたちの記録をつける
- ・ 子どもの様子について保護者と話す

## どんな人が向いている？

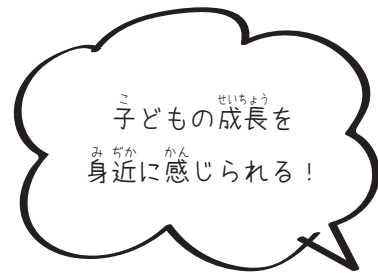
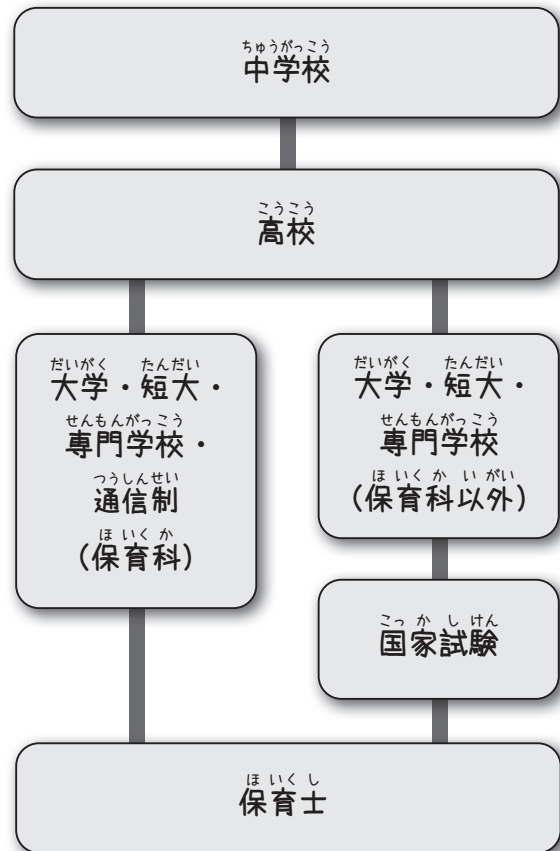
- ・ 子どもが好き！
- ・ 責任感が強い！
- ・ 明るく元気な人！

## 保育士になるには？

「保育士免許」が必要です。免許を取る方法は次の2つです。

- ① 保育士について学ぶ学校（大学・短大・専門学校・通信制）を卒業
- ② 保育士について学べる学校以外の大学・短大・専門学校を卒業し、保育士の国家試験を受ける

p.3 『家族滞在』についてをよく読んでね！



# 7. Giáo viên mầm non

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Làm việc tại trường mẫu giáo. Chăm sóc và dạy cho các bé từ 0 đến 6 tuổi.

Cụ thể là:

- Dạy cho các bé cách thay quần áo, cách đánh răng, cách đi vệ sinh, cách ăn uống...
- Cùng chơi, ru các bé ngủ
- Ghi chép lại cách hoạt động trong ngày của các bé.
- Trao đổi với phụ huynh về tình trạng của các bé.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

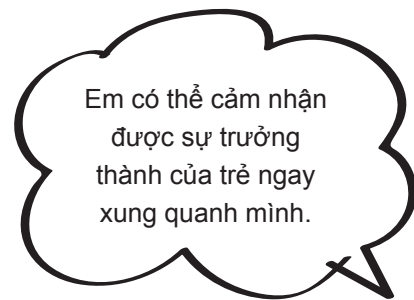
- Em rất thích trẻ con!
- Em là người có trách nhiệm cao!
- Em có sức khỏe và vui vẻ!

## Cần làm gì để có thể trở thành giáo viên mầm non?

Em cần có “Bằng giáo viên mầm non”.

Có 2 cách để lấy bằng giáo viên mầm non

- Tốt nghiệp trường (đại học, cao đẳng, senmon, từ xa) ngành giáo viên mầm non.
- Tốt nghiệp trường đại học, cao đẳng, senmon không dạy về giáo viên mầm non và đỗ kỳ thi chứng chỉ quốc gia về giáo viên mầm non.



**Hãy đọc kỹ {Về “Visa gia đình”} ở trang 3!**

# かいごし 8. 介護士

## どんな仕事？

介護が必要な人(お年寄りや障害のある人)に対して、安心して生活するためのサポートを行います。

具体的には以下のような仕事です。

「生活援助」… 洗濯、そうじ、買い物のお手伝い  
「身体介護」… 着がえ、食事、入浴、排せつのお手伝い

話し相手になったり、レクリエーションを行ったりもします。

介護施設や訪問介護などで働きます。

## どんな人が向いている？

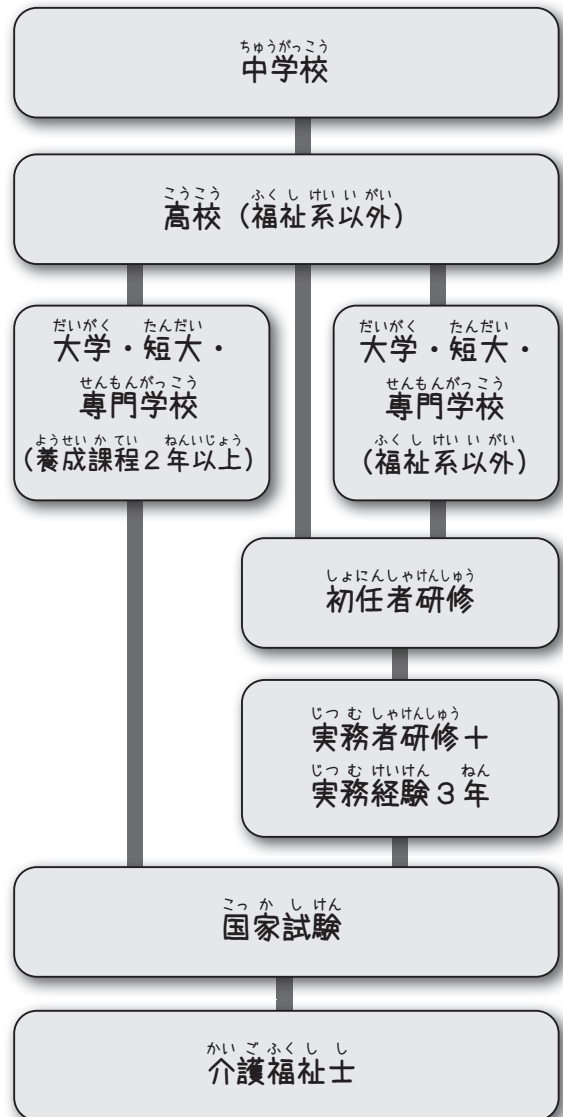
- ・人の役に立ちたい！
- ・人と話すことが好き！
- ・細かいところに気がつく！

## 介護士になるには？

資格は必要ありませんが、「身体介護」を行うには「介護職員初任者研修」か「介護福祉士実務者研修」を取る必要があります。

また、国家資格「介護社会福祉士」を取ると次のようなメリットがあります。

- ・お給料がアップ
- ・責任のある仕事を任せられる
- ・ビザを延長できる



資格の種類	どうやったらとれる？	条件は？
①介護職員初任者研修	130 時間の研修+筆記試験	なし
②介護福祉士実務者研修	450 時間の研修+筆記試験	なし
③介護福祉士	国家試験	a. 実務経験 3 年以上+②を取得 b. 大学等の養成課程を修了



# 8. Điều dưỡng

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Hỗ trợ để những người cần sự chăm sóc (người già, người khuyết tật) có thể yên tâm trong cuộc sống.

Công việc cụ thể:

“Hỗ trợ trong sinh hoạt”... giúp giặt giũ, dọn dẹp, đi siêu thị

“Chăm sóc”... giúp thay quần áo, cho ăn, tắm rửa, đi vệ sinh.

Cùng nói chuyện hoặc cùng chơi các trò giải trí.  
Làm việc ở viện dưỡng lão hoặc đến trực tiếp nhà người cần chăm sóc

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em muốn làm việc có ích cho mọi người!
- Em thích chuyện trò với mọi người!
- Em là người biết để ý đến những chi tiết nhỏ!

## Cần làm gì để có thể trở thành điều dưỡng?

Dù không cần bằng cấp nhưng để có thể chăm sóc em cũng cần lấy chứng chỉ “Khóa học cho người mới bắt đầu làm điều dưỡng” hoặc “Khóa học thực hành cho điều dưỡng viên”.

Và nếu lấy được chứng chỉ quốc gia “Điều dưỡng viên” thì sẽ có những lợi ích sau:

- Được tăng lương
- Được giao những công việc có trọng trách hơn.
- Có thể gia hạn visa



Đây là công việc rất cần thiết trong xã hội Nhật Bản ngày nay.

Chứng chỉ	Làm sao để lấy chứng chỉ?	Điều kiện
① Khóa học cho người mới bắt đầu làm điều dưỡng	130 giờ học + thi viết	Không
② Khóa học thực hành cho điều dưỡng viên	450 giờ học + thi viết	Không
③ Chứng chỉ điều dưỡng viên	Chứng chỉ quốc gia	a. Hơn 3 năm kinh nghiệm + ② b. Hoàn thành học phần về điều dưỡng tại trường đại học, cao đẳng,...v.v



# かんごし 9. 看護師

## どんな仕事？

医師の仕事をサポートし、患者さんの健康を  
まもります。

具体的には…

- ・ 医師の診察や手術のお手伝い
- ・ 血圧や体温、脈を測る
- ・ 注射や点滴、採血をする
- ・ 患者さんの入浴、排せつ、食事のお手伝い
- ・ カルテの整理

病院や介護施設、保健所などで働きます。

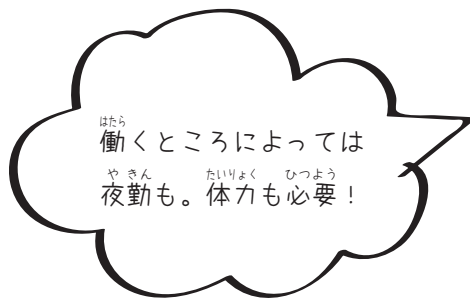
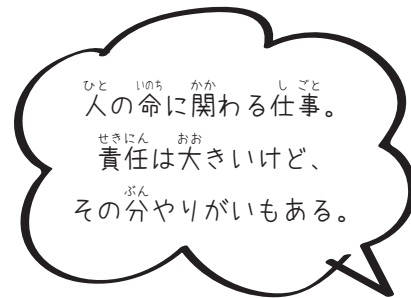
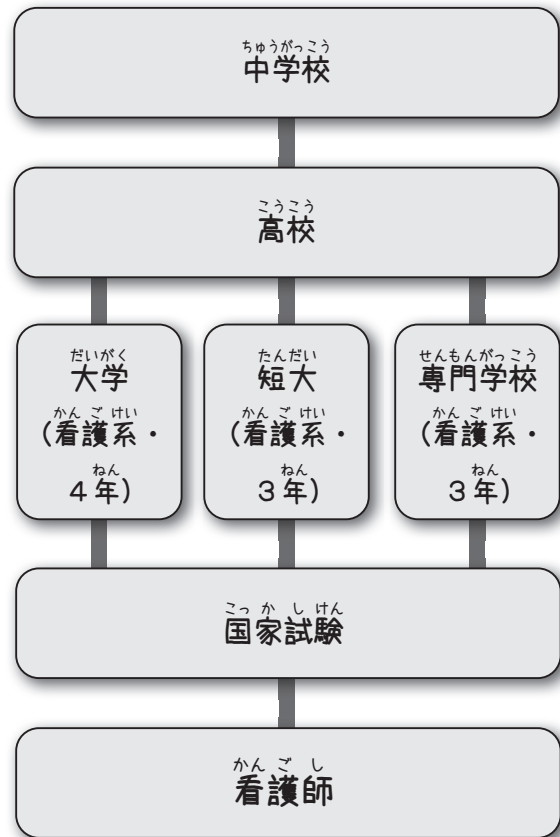
患者さんの家に行く訪問看護もあります。

## どんな人が向いている？

- ・ お世話が好き！
- ・ 我慢強い！
- ・ 細かいところに気がつく！

## 看護師になるには？

看護について学ぶ大学や短大、専門学校を卒業して、国家試験に合格しなければいけません。  
学校では看護師について学んだり、病院で実習を行ったりします。





# 9. Y tá

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Hỗ trợ cho bác sĩ, chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân.

Công việc cụ thể là:

- Hỗ trợ cho bác sĩ khi bác sĩ chẩn đoán, phẫu thuật.
- Đo huyết áp, thân nhiệt, nhịp tim.
- Lấy máu, tiêm thuốc, truyền nước biển.
- Hỗ trợ bệnh nhân ăn uống, tắm rửa, tiểu tiện.
- Sắp xếp bệnh án.

Làm việc tại bệnh viện, viện dưỡng lão, phòng y tế địa phương.

Cũng có trường hợp phải đi đến nhà của bệnh nhân.

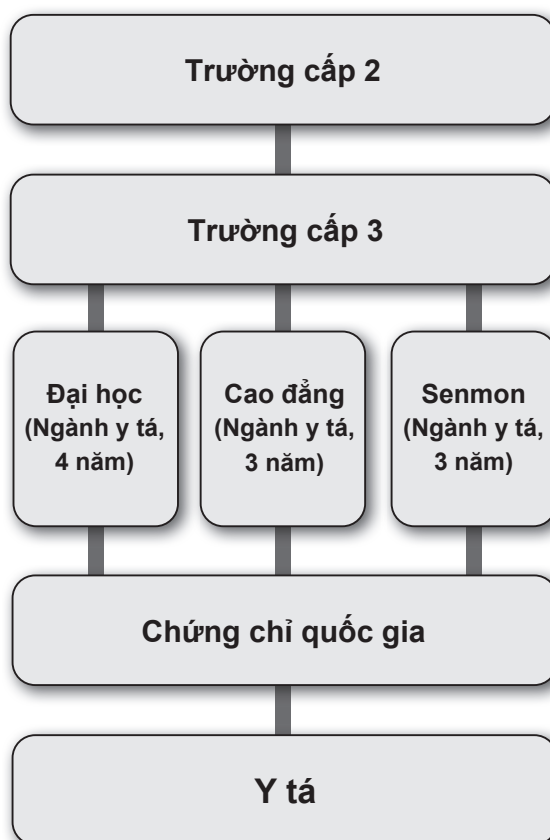
## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em thích chăm sóc người khác!
- Em có sức chịu đựng tốt!
- Em là người biết để ý đến những chi tiết nhỏ!

## Cần làm gì để có thể trở thành y tá?

Em phải tốt nghiệp ngành y tá tại trường đại học, cao đẳng, senmon và thi đỗ kỳ thi Chứng chỉ quốc gia.

Em học kiến thức về y tá tại trường và thực hành ở bệnh viện.



Đây là công việc liên quan đến tính mạng con người. Dù cần phải có tinh thần trách nhiệm cao nhưng công việc mang lại nhiều ý nghĩa để phấn đấu.

Tùy vào nơi làm việc mà có thể phải làm ca đêm. Em cần có sức khỏe tốt!



# ちほうこうむいん ぎょうせいしよく 10. 地方公務員(行政職)

## どんな仕事?

ちいきじゅうみん せいかつ ささ  
地域住民の生活を支えます。

しやくしよ くやくしよ はたら  
市役所や区役所で働きます。

しよくば ぶしよ しごと ないよう か  
職場や部署によって仕事の内容は変わります

が、たとえば…

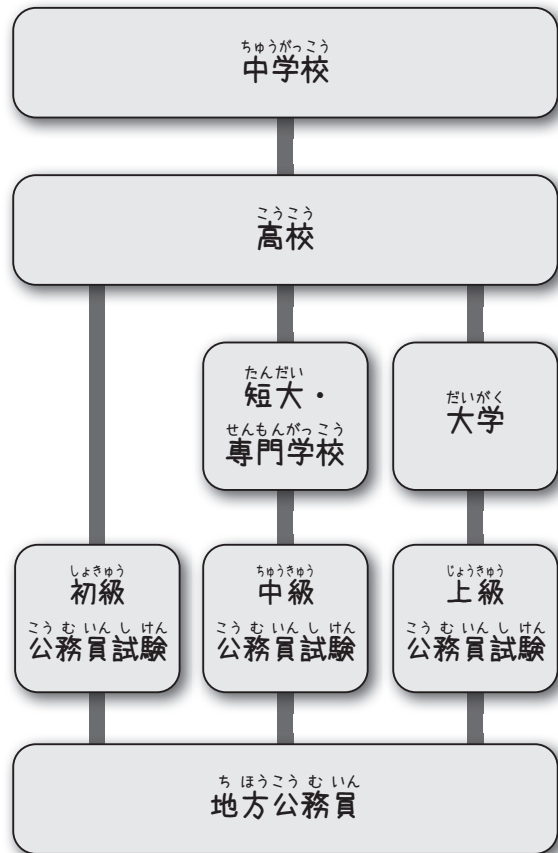
- まどぐち てつづ  
・窓口でのいろいろな手続き
- こそだ しえん  
・子育て支援
- まちづくり
- きかく かいさい  
・イベントの企画や開催

## どんな人が向いている?

- ひと やく た  
・人の役に立ちたい!
- あんてい しごと  
・安定した仕事をしたい!
- ひと  
・まじめな人!

## ちほうこうむいん 地方公務員になるには?

がっか しけん めんせつ う しけんないよう こうこう  
学科試験と面接を受けます。試験内容は高校、  
たんだい せんもんがっこう だいがく そつぎょう  
短大・専門学校、大学のどこを卒業したかによっ  
て変わります。



ぎょうせいしよく ほか  
行政職の他にも  
どぼく すいどう かが しごと  
土木や水道に関わる仕事など、  
いろいろな仕事がある!

じちたい  
自治体によっては、  
がいこくせき ひと ばあい  
外国籍の人がなれない場合が  
あります! 要チェック!!



# 10. Nhân viên công vụ (hành chính) địa phương

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Hỗ trợ cuộc sống cho người dân địa phương. Làm việc tại Ủy ban quận hoặc Ủy ban thành phố.

Tùy vào từng phòng ban mà nội dung công việc sẽ khác nhau, ví dụ như:

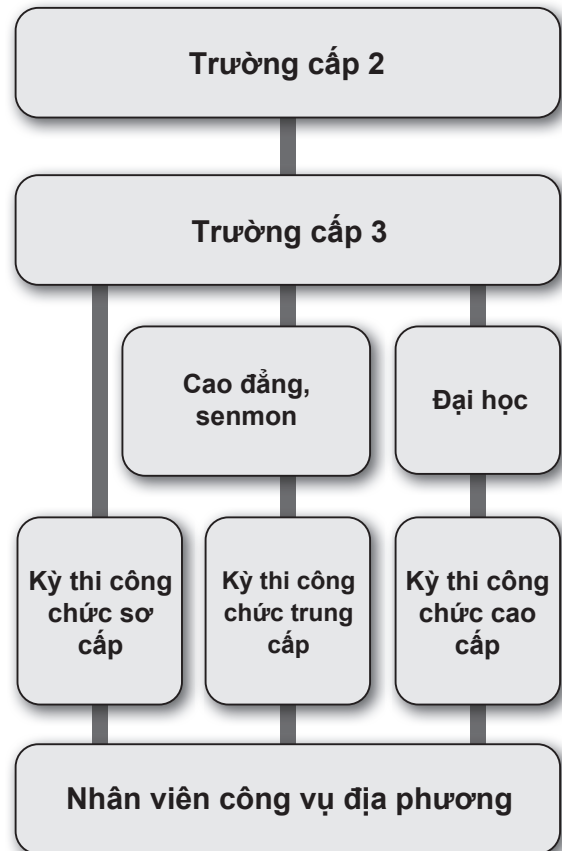
- Làm các thủ tục ở quầy tiếp dân.
- Hỗ trợ nuôi dạy con.
- Quản lý đô thị.
- Lập kế hoạch và tổ chức các sự kiện.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

- Em muốn làm việc có ích cho mọi người!
- Em muốn có một công việc ổn định!
- Em là một người chăm chỉ!

## Cần làm gì để có thể trở thành nhân viên công vụ địa phương?

Tham gia kỳ thi viết và phỏng vấn. Nội dung bài thi sẽ tùy vào em đã tốt nghiệp cấp 3, cao đẳng, senmon hay đại học mà đề thi sẽ khác nhau.



Ngoài công việc hành chính ra thì cũng có nhiều công việc khác ví dụ như những công việc liên quan đến cầu đường, cấp nước...!

Cũng có những địa phương không tuyển người có quốc tịch nước ngoài. Em cần phải kiểm tra thông tin trước nhé!



# 11. 通訳

## どんな仕事？

2つの違う言語を話す人の間に立って言語を訳します。会議やインタビューなど様々な場面で通訳を行います。

話しているのと同時に訳す同時通訳があります。

## どんな人が向いている？

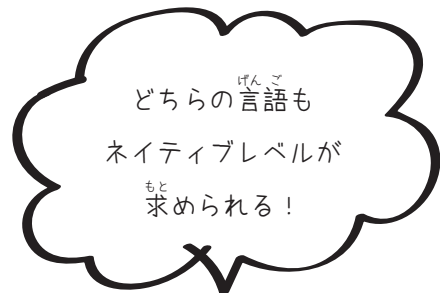
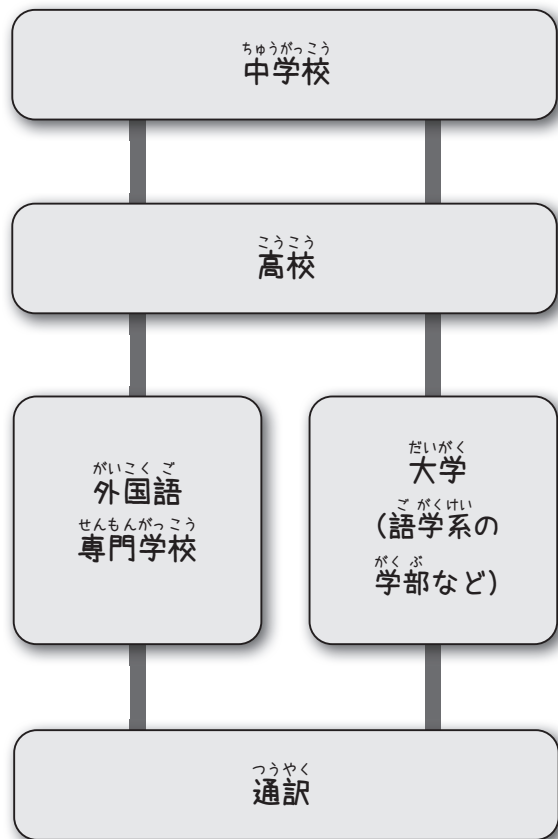
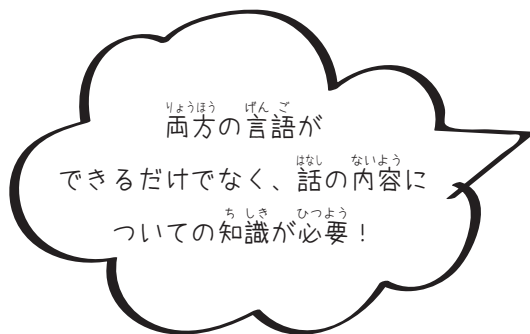
- ・外国語が得意な人！
- ・勉強が好きの人！
- ・人の役に立つのが好きな人！

## 通訳になるには？

学歴や資格は特に必要ありません！

通訳のやり方を専門学校や、大学で勉強することもできます。

通訳会社やフリーランス（自分で仕事を見つけて）で働きます。



# 11. Thông dịch viên

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Thông dịch cho 2 người nói 2 ngôn ngữ khác nhau. Dịch ở nhiều bối cảnh khác nhau như dịch hội nghị, dịch phỏng vấn....

Có cả thông dịch đồng thời là dịch cùng lúc với người nói.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

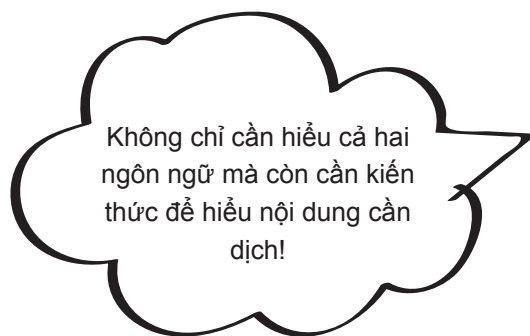
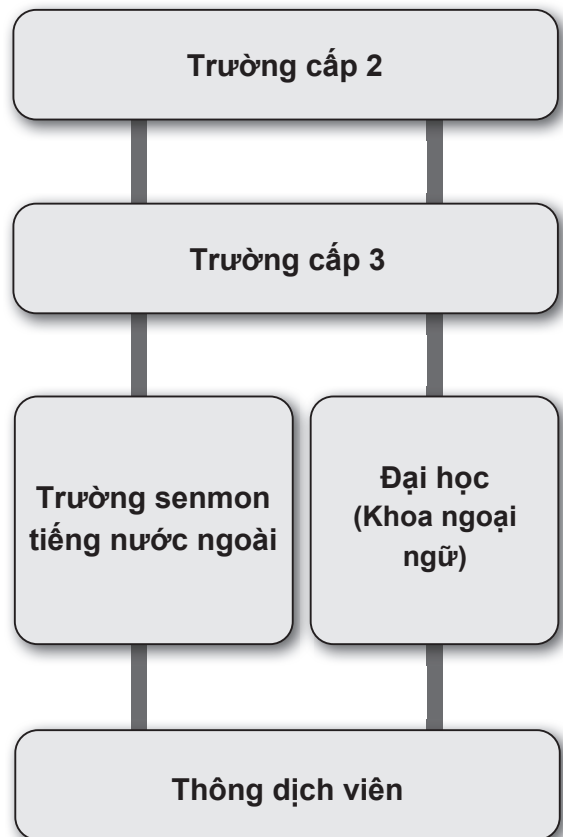
- Em giỏi tiếng nước ngoài!
- Em là người ham học hỏi!
- Em muốn làm việc có ích cho mọi người!

## Cần làm gì để có thể trở thành thông dịch viên?

Không cần trình độ học vấn hay bằng cấp đặc biệt nào cả!

Cũng có thể học cách thông dịch ở trường senmon hay trường đại học.

Làm việc tại công ty thông dịch hoặc làm tự do (tự mình tìm việc)



# 12. 建築家

## どんな仕事？

建物を作る仕事です。

仕事の内容は大きく2つです。

- 建物を建てるか、図面やパソコンを使ってデザインします
- 建物が完成するまで現場の監督をします

## どんな人が向いている？

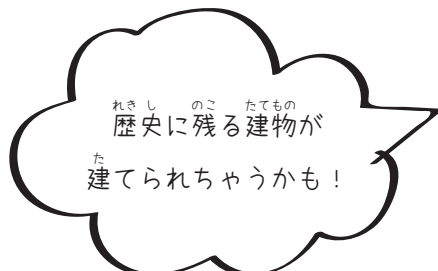
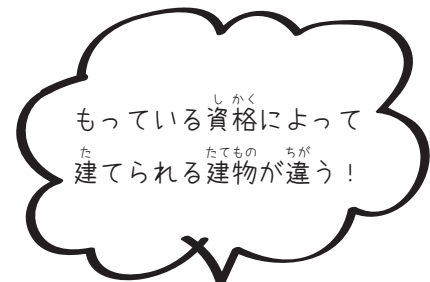
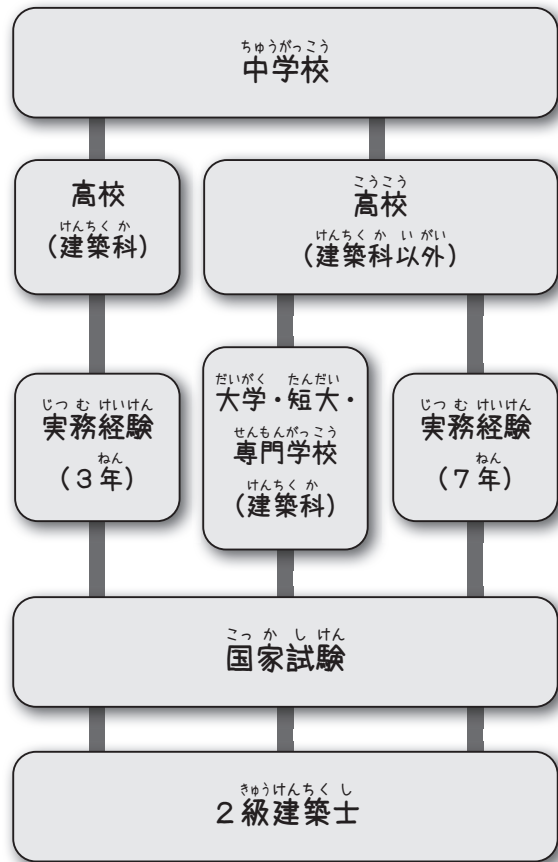
- 建物が好き！
- モノを作るのが好き！
- 数学や理科が得意！

## 建築士になるには？

国家資格を取る必要があります。

国家資格は1級、2級、木造建築士があります。まずは2級を取りましょう。

1級建築士になると、オリンピックで使うスタジアムのような大きな建物が作れます。



# 12. Kiến trúc sư

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Là công việc xây dựng các toà nhà.

Nội dung công việc được chia thành 2 phần:

- Sử dụng máy tính hoặc bản vẽ giấy để thiết kế toà nhà cần xây.
- Giám sát công trình cho đến khi toà nhà được hoàn thành.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

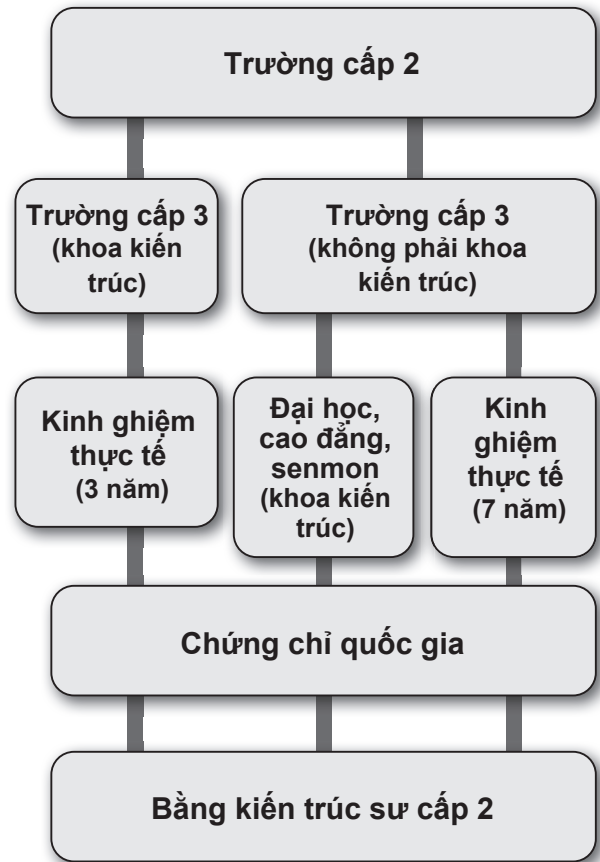
- Em thích các công trình xây dựng!
- Em thích tạo ra các đồ vật!
- Em giỏi môn toán và vật lý!

## Cần làm gì để có thể trở thành kiến trúc sư?

Cần phải lấy được chứng chỉ quốc gia.

Chứng chỉ quốc gia gồm có kiến trúc sư bậc 1, bậc 2 và kiến trúc sư về kết cấu gỗ. Trước tiên hãy lấy được kiến trúc sư bậc 2.

Kiến trúc sư bậc 1 có thể xây dựng sân vận động to dùng cho thi đấu Thế vận hội Olympic.



Tùy vào loại chứng chỉ mà có thể xây dựng công trình có quy mô khác nhau!

Biết đâu em có thể xây dựng được các công trình kiến trúc nổi tiếng để lại cho muôn đời sau!



# 13. 自動車整備士

## どんな仕事？

自動車の整備をします。

販売店や整備工場働きます。

仕事内容は、たとえば…

- ・壊れた車を修理する
- ・車に悪いところがないか点検する

## どんな人が向いている？

- ・車が好き！
- ・機械をいじるのが好き！
- ・力がある！

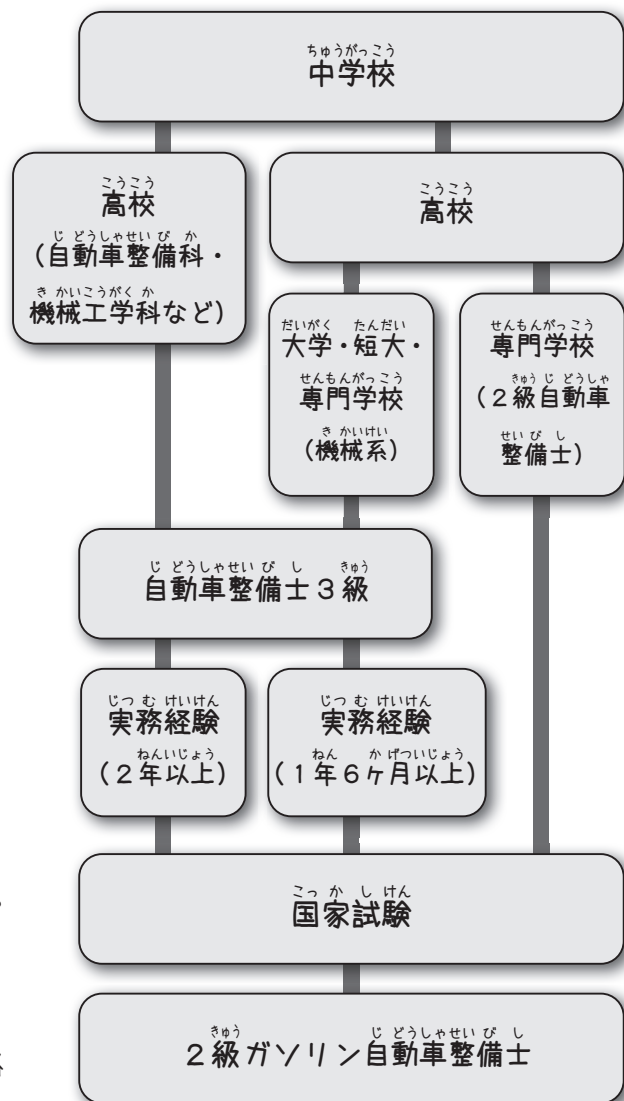
## 自動車整備士になるには？

国家資格を取る必要があります。

国家資格は1級、2級、3級の3つがあります。

整備士として働く人の多くは2級をもっています。

2級には4つの種類があり、もっている資格で扱えるものが変わります。



資格の種類	取り扱えるのは？
2級ガソリン自動車整備士	ガソリンエンジンの自動車
2級ディーゼル自動車整備士	ディーゼルエンジンの自動車
2級二輪自動車整備士	オートバイや原付
2級自動車シャシ整備士	自動車のボディとエンジン以外

受験者数が  
いちばん多い！

あこがれの  
あの車と  
関わられるかも！





# 13. Kỹ sư ô tô

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Sửa chữa xe ô tô.  
Làm việc tại cửa hàng bán xe ô tô hoặc xưởng sửa chữa ô tô.

Nội dung công việc như là:

- Sửa chữa xe ô tô bị hỏng.
- Kiểm định xe xem có chỗ nào bất ổn không?

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

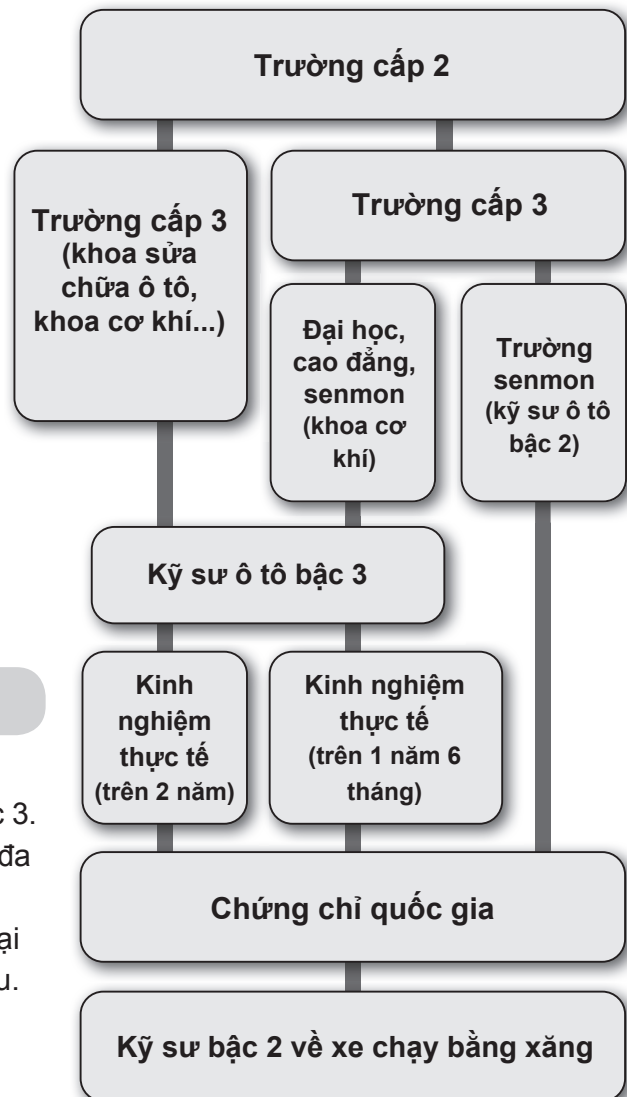
- Em có đam mê về xe!
- Em thích lắp gỡ máy móc!
- Em có cơ bắp khỏe!

## Cần làm gì để có thể trở thành kỹ sư?

Cần lấy được chứng chỉ quốc gia.

Chứng chỉ quốc gia có 3 bậc: bậc 1, bậc 2, bậc 3.  
Những người làm việc với tư cách là kỹ sư ô tô đa phần đều có chứng chỉ quốc gia bậc 2.

Bậc 2 gồm có 4 loại chứng chỉ, tùy vào mỗi loại mà có thể đảm nhận những công việc khác nhau.



Loại chứng chỉ	Công việc có thể đảm nhận
Kỹ sư bậc 2 về xe chạy bằng xăng	Xe ô tô động cơ chạy bằng xăng
Kỹ sư bậc 2 về xe chạy bằng dầu diesel	Xe ô tô động cơ chạy bằng dầu diesel
Kỹ sư bậc 2 về xe 2 bánh	Xe mô tô và xe máy
Kỹ sư bậc 2 về hệ thống phanh (thắng), phuộc nhún...	Các bộ phận khác ngoài thân xe và động cơ.

Số lượng thí sinh dự thi đông nhất

Có cơ hội tiếp xúc với loại xe mà em mơ ước!



# 14. WEBデザイナー

## どんな仕事？

お客さんから頼まれたウェブサイトを、プログラミングを使って作ります。

会社で働いたり、独立してフリーランスとして働いたりします。

## どんな人が向いている？

- ・パソコンをいじるのが好き！
- ・クリエイティブな人！
- ・黙々と作業するのが好き！

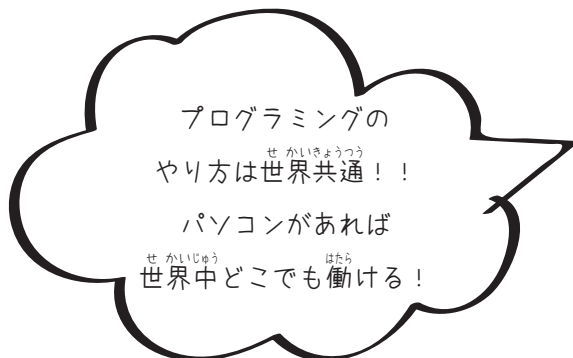
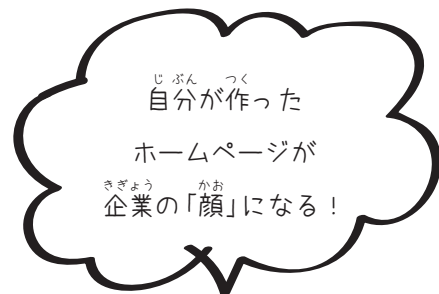
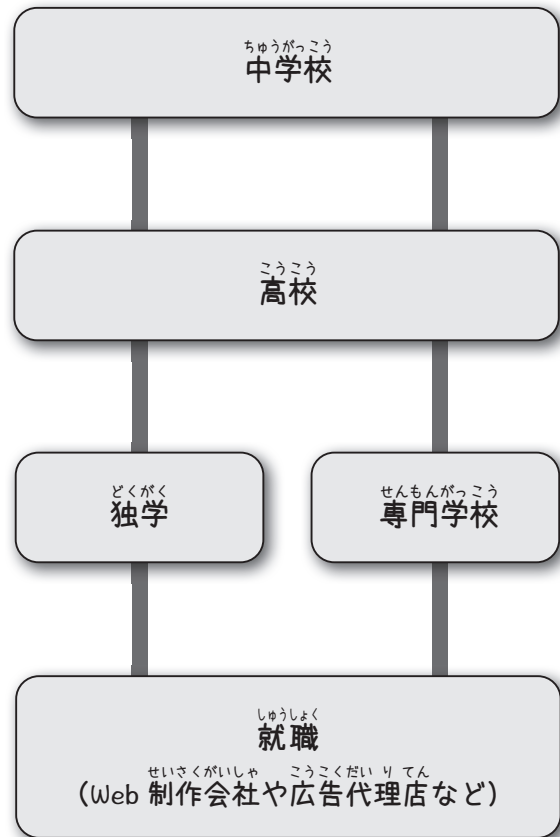
## WEBデザイナーになるには？

学歴は必要ありません。

ウェブサイトやデザインを作るのに必要なパソコンの知識や技術を身につけましょう。

専門学校に通うこともできますが、独学で勉強することもできます。

インターネット上には無料でプログラミングについて学ぶことのできるサイトがあります。



# 14. Chuyên viên thiết kế web

## Nghề này cụ thể là làm gì?

Lập trình và thiết kế trang web theo yêu cầu của khách hàng.

Làm việc tại công ty hoặc làm tự do.

## Tính cách nào thích hợp làm nghề này?

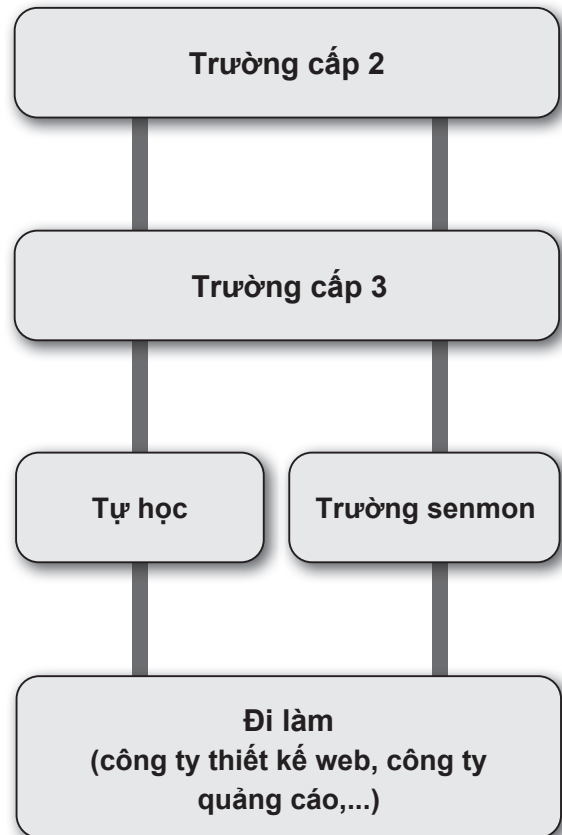
- Em thích công việc máy tính!
- Em là người có óc sáng tạo!
- Em thích làm việc trong im lặng!

## Cần làm gì để có thể trở thành chuyên viên thiết kế web?

Không cần trình độ học vấn.

Hãy học kiến thức và kỹ thuật cần thiết để thiết kế trang web.

Em có thể học trên các trang web miễn phí dạy về lập trình trên internet.



Trang web mà em thiết kế chính là “bộ mặt” của một công ty!

Lập trình là ngôn ngữ chung trên toàn thế giới! Chỉ cần có máy tính thì có thể làm việc ở bất kỳ nơi đâu trên thế giới!



# その他の仕事

「家族滞在」をもつ人が正社員として働くことができる仕事の例

仕事	必要な資格	とれる可能性のある 在留資格の例
理学療法士	理学療法士資格	医療
作業療法士	作業療法士資格	医療
臨床心理士	臨床心理士資格	人文知識
ツアーガイド	なし	国際業務
ブランドスタッフ	なし	人文知識・国際業務
パイロット	多くの資格が必要	技能
小学校教師	小学校教員免許	教育
高校教師	高校教員免許	教育
医者	医師免許	医療
薬剤師	薬剤師免許	医療
獣医	獣医師免許	技術
幼稚園の先生	幼稚園教員免許	国際業務
農業	なし	特定技能
翻訳	なし	国際業務
ゲームクリエイター	なし	技術



外国語を教える場合に  
限ります。

最長5年までしか  
働けません。

大学や専門学校で  
関連科目を履修すれば  
とれる可能性も。

「定住者」「永住者」など、就労制限のない在留資格がないとつくことができない仕事

仕事	必要な資格
理容師	理容師資格
メイクアップアーティスト	なし
あん摩マッサージ指圧師	あん摩マッサージ指圧師資格
パティシエ	なし
アパレル	なし

マッサージだけの  
仕事であれば、  
資格がなくても  
働けます。

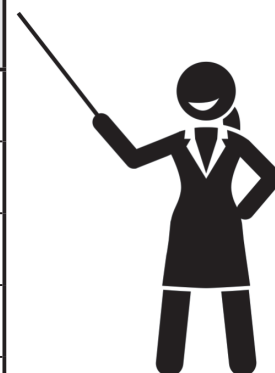
※警察官は日本国籍をもっている人しかないので注意してください。

※消防士は、自治体により外国籍でもなれる場合もあります。

# Những công việc khác

Ví dụ về những công việc mà người có visa gia đình có thể làm việc theo hình thức nhân viên chính thức

Công việc	Chứng chỉ cần thiết	Tư cách lưu trú có thể lấy được
Chuyên viên vật lý trị liệu	Chứng chỉ chuyên viên vật lý trị liệu	Y tế
Chuyên viên trị liệu phục hồi chức năng	Chứng chỉ chuyên viên trị liệu phục hồi chức năng	Y tế
Bác sĩ tâm lý lâm sàng	Bằng bác sĩ tâm lý lâm sàng	Tri thức nhân văn
Hướng dẫn viên du lịch	Không	Nghiep vụ quốc tế
Nhân viên mặt đất	Không	Tri thức nhân văn, Nghiep vụ quốc tế
Phi công	Cần nhiều chứng chỉ	Kỹ năng
Giáo viên tiểu học	Bằng giáo viên tiểu học	Giáo dục
Giáo viên trường cấp 3	Bằng giáo viên trường cấp 3	Giáo dục
Bác sĩ	Bằng bác sĩ	Y tế
Dược sĩ	Bằng dược sĩ	Y tế
Bác sĩ thú y	Bằng bác sĩ thú y	Kỹ sư
Giáo viên mầm non	Bằng giáo viên mầm non	Nghiep vụ quốc tế
Nông nghiệp	Không	Kỹ năng đặc định
Thông dịch	Không	Nghiep vụ quốc tế
Thiết kế game	Không	Kỹ sư



Giới hạn trong công việc dạy ngoại ngữ

Chỉ được làm việc tối đa 5 năm

Nếu hoàn tất học phần các môn có liên quan ở trường đại học hoặc senmon thì có khả năng xin được visa này.

Những người có tư cách lưu trú không giới hạn lao động như “visa định cư”, “visa vĩnh trú”... thì mới làm được những công việc sau:

Công việc	Chứng chỉ cần thiết
Thợ cắt tóc cạo mặt	Chứng chỉ cắt tóc cạo mặt
Thợ trang điểm	Không
Nhân viên massage bấm huyệt	Chứng chỉ về massage bấm huyệt
Thợ làm bánh	Không
Nhân viên bán quần áo	Không

Nếu chỉ là công việc massage thôi thì không cần chứng chỉ.

※Chú ý là chỉ người có quốc tịch Nhật Bản thì mới được làm cảnh sát.

※Cũng có địa phương cho người có quốc tịch nước ngoài làm lính cứu hỏa.

# かいしゃ なか 会社の中はどうなってる？

まち み かいしゃいん かれ かいしゃ かし かいしゃ  
街で見かける会社員…。彼らが会社でどんなことをしているのか、お菓子の会社をのぞいてみよう！

## かぶ (株) スイーツクラフト

### けいえい 経営



“子どもたちに愛されるお菓子を世界中に”

どこの国なら、売れるかな？ → 調査してみよう  
品切れにならないように工場を増やそう → いい場所を探して、  
工場を建てる準備しなきゃ

### せいひん きかく 製品企画



いま 今ではどんな物が話題かな？  
調べて、いいお菓子の  
アイデアを出そう！

SNSの時代だから、  
かわいいデザイン、  
おもしろい広告を考えるぞ！



このぷにぷにの食感を  
どうやってつくろうか？

### しごと みんなの仕事 サポート係



みんなの給料を  
計算します！

材料はいくらで、  
このくらい売れたから…、  
いくらもうけた？



来年はどんな人を  
新しく雇おうかな。

### せいぞう 製造

新しいお菓子ができたぞ！  
品切れにならないように  
作るぞ！



へんなものが  
混ざらないように  
管理しなきゃ。

### えいぎょう 営業



ここは家族がたくさん住む地域だから、  
みんなで食べられる大きさのお菓子を  
お店においてもらえるように、  
店長にお願いしに行こう。

もう少しでクリスマスだから、たくさん  
売れるようにイベントの計画を立てるぞ！



ほか 他にもいろいろな役割・やることがあります。1人でアイデアを考えたり、チームで話し合ったり、  
すうじ 数字とにらめっこしたり、お店や協力してくれる他の会社をお願いしながら仕事を進めます。

# Trong một công ty có những bộ phận nào?

Nhân viên công ty bạn nhìn thấy ngoài đường phố...họ đang làm công việc gì ở công ty? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu về công ty chế biến bánh kẹo nhé!

## Công ty cổ phần chế biến bánh kẹo

### Bộ phận kinh doanh



**“Mang bánh kẹo mà trẻ con yêu thích ra thế giới”**

Có thể được ưa chuộng ở đất nước nào? → Tìm kiếm thông tin  
Mở thêm nhà xưởng sản xuất để không bị tình trạng hết hàng  
→ Phải tìm kiếm vị trí tốt và chuẩn bị xây dựng nhà xưởng.

### Bộ phận kế hoạch sản phẩm



Hiện nay đề tài nào đang được chú ý?  
Tìm hiểu để đưa ra ý tưởng hay cho loại bánh kẹo mới!

Vì là thời đại của mạng xã hội nên phải nghĩ ra các thiết kế bắt mắt và những quảng cáo vui nhộn!



Cái cảm giác vừa mềm vừa dẻo này làm sao để chế biến được đây nhỉ?

### Bộ phận hỗ trợ công việc cho tất cả nhân viên



Tính lương cho mọi người!

Tiền nguyên vật liệu là bao nhiêu, đã bán được thu về chừng này tiền...thì lời được bao nhiêu?



Sang năm phải tuyển người mới như thế nào đây?

### Bộ phận chế biến



Đã chế biến ra loại bánh kẹo mới rồi! Phải sản xuất để không bị tình trạng hết hàng!



Phải quản lý sản xuất tốt để không bị trộn lẫn các tạp chất khác vào!



### Bộ phận bán hàng



Vì khu vực này có nhiều gia đình sinh sống nên phải đi đến nhờ các chủ tiệm bánh ở khu vực này trưng bày các loại bánh to dùng cho cả gia đình.

Sắp đến Nô-en rồi, phải lên kế hoạch sự kiện để bán được thật nhiều!



Ngoài ra cũng còn nhiều chức vụ và công việc phải làm. Tự mình lên ý tưởng, thảo luận với nhóm, tính toán với các con số, cùng liên kết với các tiệm bánh hoặc công ty đối tác để tiến hành công việc.

見える？ 選べる！ 将来の仕事 MAP 〈ベトナム語版〉

Em có nhìn thấy không? Em có thể chọn được!

**Bản đồ công việc tương lai**

---

発行日：2024年1月31日

発行者：NPO 法人 ABC ジャパン

〒230-0051 横浜市鶴見区鶴見中央 4-7-15 ラカンパーナ キンヤ 302

TEL：045-550-3455

執筆：木村 晴香 安富祖 樹里 内海 真登

制作：ABC ジャパン「将来の仕事MAP」編集委員会

協力：森田 佐知子

翻訳：ファムルー アンジー

デザイン：スタジオクッカバラ



